



CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

I. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

VI. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VIII. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

A close-up, low-angle shot of a large, polished wooden steering wheel on a ship's deck. The wheel is made of dark wood with several spokes and a central hub. The background is a clear, bright blue sky. The wheel is mounted on a wooden structure, and a rope is visible on the right side. The lighting is bright, creating strong shadows on the wooden railing in the foreground.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm 2010, đất nước ta phải đương đầu và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức gay gắt do những biến động bất thường và trái chiều của kinh tế thế giới gây tác động bất lợi cho nền kinh tế trong nước. Kinh tế tăng trưởng nhưng chưa ổn định, lạm phát cao, lãi suất, tỷ giá thường xuyên biến động ... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và Công ty của chúng ta cũng không phải là trường hợp ngoại lệ.

Tuy nhiên, trước những khó khăn, thách thức đó, bằng những nỗ lực không ngừng, năm 2010 Angimex đã vững vàng vượt qua và tiếp tục đánh dấu 1 năm thành công nữa từ khi thành lập năm 1976 cho đến nay. Công ty đã xác định được hướng đi đúng đắn, từ đó đã đoàn kết vượt khó vươn lên, đạt được những thành tựu đáng phấn khởi dù cho Ban điều hành mới vừa được bổ nhiệm đầu năm. Cụ thể lợi nhuận trước thuế năm 2010 đạt 103 tỷ đồng, tăng 73% so với kế hoạch và tăng 15,7% so với năm 2009; số lượng kinh doanh gạo nội địa chỉ đạt 58% so với kế hoạch nhưng tăng 75% so với năm 2009; diện tích vùng bao tiêu lúa là 2.064 ha tăng 85% so với năm 2009; số lượng xuất khẩu gạo Jasmine, gạo trắng chất lượng cao qua máy tách màu tăng 100% so với năm 2009. Riêng doanh thu năm 2010 đạt 1.971 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 77,8% so với kế hoạch, đạt 97,3 % so với năm 2009 do chủ trương tối đa hóa lợi nhuận, không chạy theo tăng trưởng số lượng gạo xuất khẩu gặp nhiều rủi ro khi giá trong nước biến động.

Bước sang năm 2011, Công ty chúng ta cũng vừa tròn 35 tuổi, tình hình kinh tế trong và ngoài nước theo nhận định sẽ càng khó khăn hơn năm 2010, nhưng cho dù có nhiều khó khăn, gian khổ, chúng ta đã có được một bề dày kinh nghiệm, một đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nhân viên trẻ, luôn học hỏi, có ước mơ, có tầm nhìn chiến lược, nhiệt tình, sáng tạo và tâm huyết, tất cả đã sẵn sàng để thực hiện tốt chiến lược của Angimex giai đoạn 2011-2015 .


Trung thành và kiên trì với định hướng chiến lược đã đề ra, đảm bảo tăng trưởng luôn đi đôi với phát triển bền vững, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào ngành kinh doanh lúa gạo là ngành kinh doanh cốt lõi truyền thống làm cơ sở cho sự phát triển; bên cạnh đó, tăng cường mở rộng ngành hàng dịch vụ Honda để tạo lợi nhuận ổn định; đầu tư đột phá vào dịch vụ sấy và bao tiêu vùng nguyên liệu lúa, đầu tư cổ phần vào Nhà máy trích ly Dầu màng gạo để hỗ trợ và gia tăng hiệu quả ngành hàng lúa gạo của Công ty, đồng thời luôn tăng cường quản lý hiệu quả nguồn vốn, năng lực quản lý điều hành và tiết kiệm chi phí để hoàn thành mục tiêu năm 2011: doanh thu đạt 2.636 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 72 tỷ đồng – đây được xem như là sự cam kết cụ thể của **Angimex** đối với Quý cổ đông.

Mỗi thành công cũng như thất bại, mỗi khó khăn và thách thức mà chúng ta đã vượt qua trong năm 2010 chắc chắn sẽ là những bài học kinh nghiệm quý báu cho sự phát triển trong tương lai. Thay mặt Hội đồng quản trị, nhân dịp này tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cổ đông, các khách hàng, các đối tác, và toàn thể CBCNV – những người đã đặt trọn niềm tin, luôn đồng hành, sát cánh và lập nên thành công cho Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang. Với định hướng, mục tiêu rõ ràng, với sự đồng thuận của Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị cam kết sẽ tận tâm, tận lực quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty, thực thi những sứ mệnh và chính sách của Công ty một cách đúng đắn, công khai và minh bạch để đạt được hiệu quả cao nhất; và tin tưởng rằng **Angimex** sẽ tiếp tục phát triển để xứng đáng với niềm tin và sự lựa chọn của Quý cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn !

Long Xuyên, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CAO MINH LÂM



I. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ANGIMEX

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex), tiền thân là Công ty ngoại thương An Giang được thành lập vào năm 1976, được cổ phần hóa vào ngày 01/01/2008.

Qua 35 năm hình thành và phát triển, với đội ngũ cán bộ, nhân viên giàu kinh nghiệm, tận tâm, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo đã đưa Angimex luôn nằm trong Top 10 những Công ty hàng đầu trong cả nước về xuất khẩu gạo trong nhiều năm qua.

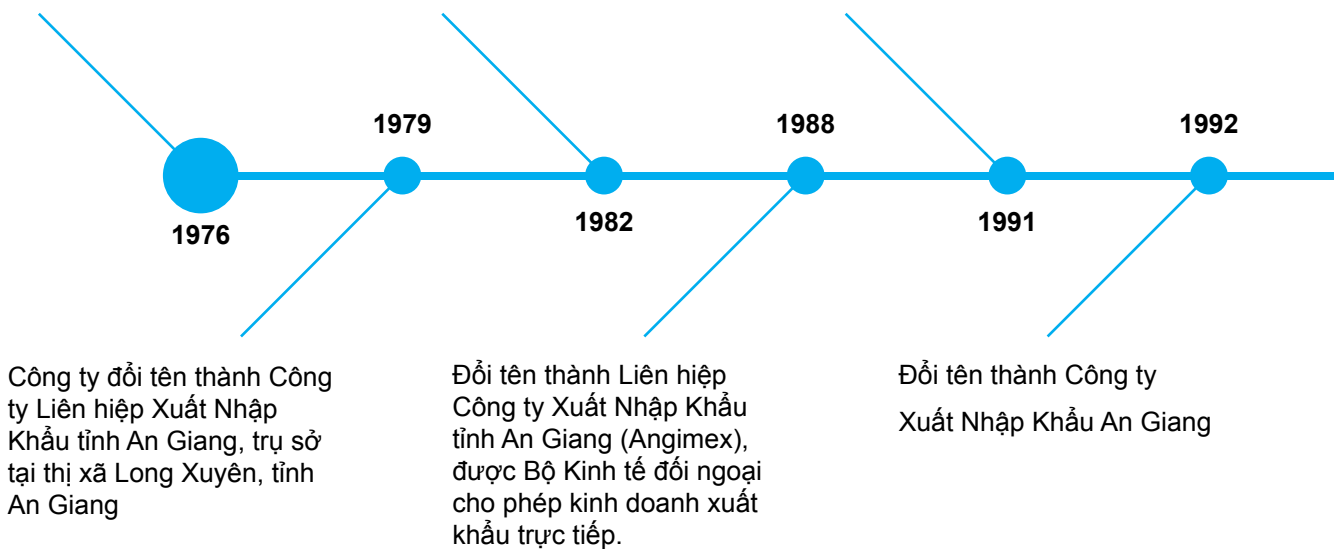
2. NHỮNG MỐC SON TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ANGIMEX

Ngày 23 tháng 7, UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 73/QĐ-76 thành lập Công ty Ngoại thương An Giang – Angimex.

Tháng 9/1976, Angimex chính thức đi vào hoạt động

Thành lập Trạm giao nhận TP. Hồ Chí Minh (nay là Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh).

Góp vốn thành lập Công ty liên doanh ANGIMEX – KITOKU





Thành lập đại lý ủy nhiệm đầu tiên của Honda Việt Nam tại Long Xuyên

Thành lập đại lý ủy nhiệm thứ ba của Honda Việt Nam tại Long Xuyên

Angimex chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Thành lập Nhà máy Gạo an toàn. Thương hiệu gạo Jasmine Châu Phú được đưa ra thị trường với sự hợp tác giữa Angimex và Saigon Co.op.

Khai trương dịch vụ của Trung tâm Honda Angimex “Đổi xe cũ lấy xe mới”

Khai trương Trung tâm Bảo dưỡng và Dịch vụ sửa chữa do Honda ủy nhiệm (Wing Service)

Angimex là nhà phân phối độc quyền sản phẩm phân vi sinh Dasvila tại thị trường An Giang.

Thành lập đại lý ủy nhiệm thứ hai của Honda Việt Nam tại Châu Đốc

Angimex góp vốn thành lập Công ty TNHH SAGICO kinh doanh bán lẻ qua hệ thống siêu thị (Co.op Mart Long Xuyên)

Nhãn hàng gạo An Gia, Mực Đồng của Angimex ra mắt thị trường nội địa.

Angimex giới thiệu hai công cụ hỗ trợ cho người nông dân: Phần mềm Tính hiệu quả sản xuất lúa và Dịch vụ Tin nhắn báo giá mua gạo nguyên liệu.

1998

2000

2006

2007

2008

2009

2010

3. CÁC DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC CỦA ANGIMEX TRONG 5 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY

- Top 500 Thương hiệu Việt 2010 do Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chứng nhận.
- Angimex đứng thứ hạng 180 trong top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (chương trình V – 1000) do Vietnamnet công bố.
- Angimex đứng thứ 64 trong Top 500 “Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam” và thứ 251 trong Top 500 “Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” năm 2010.
- Đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước tỉnh An Giang giai đoạn 2005 – 2010.
- Đơn vị có nhiều đóng góp cho quỹ Vì người nghèo tỉnh An Giang 2010 do UBND Tỉnh trao tặng.
- Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc

NĂM 2010

- Đơn vị có nhiều thành tích đóng góp trong việc đầu tư, sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế – xã hội của địa phương do UBND tỉnh An Giang công nhận.
- Doanh nghiệp tiêu biểu do UBND tỉnh An Giang công nhận.
- Đơn vị đạt chuẩn văn hóa do UBND tỉnh An Giang công nhận.
- Angimex đứng thứ 218 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR 500 do Vietnam Report công bố.
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công Thương công nhận.

NĂM 2008

NĂM 2009

- Tập thể lao động xuất sắc do UBND tỉnh An Giang công nhận.
- Đơn vị đạt chuẩn văn hóa do UBND tỉnh An Giang công nhận.
- Bằng khen của Liên đoàn lao động tỉnh An Giang về “Thực hiện chương trình xây dựng đời sống văn hóa trong CNVC – lao động”.
- Đơn vị đạt chuẩn văn hóa xuất sắc do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam công nhận.
- Angimex đứng thứ 272 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR 500 do Vietnam Report công bố.
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công Thương công nhận.

- Doanh nghiệp văn hóa do UBND tỉnh An Giang trao tặng.
- Đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động 2006.
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công Thương công nhận.
- Bằng khen của Bộ Tài chính.

NĂM 2006

- Huân chương độc lập hạng 3 (2003)
- Huân chương lao động hạng nhất (1995)
- Huân chương lao động hạng nhì (1985)
- Huân chương lao động hạng ba (1983)
- Cùng nhiều bằng khen, chứng nhận của các cấp, bộ, ngành, từ địa phương.

NHỮNG NĂM TRƯỚC 2005

NĂM 2007

- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR 500 do Vietnam Report công bố.
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công Thương công nhận.
- Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc.
- Đơn vị chấp hành tốt chính sách thuế 2007 do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế trao tặng.

NĂM 2005

- Bằng khen của UBND tỉnh An Giang về những đóng góp trong phong trào thi đua sản xuất lúa chất lượng cao năm 2005.
- Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc.
- Đón nhận cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh An Giang trao tặng.
- Đơn vị chấp hành tốt chính sách thuế 2007 do Bộ Tài chính trao tặng.
- Đơn vị có nhiều thành tích trong xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu lớn, mức tăng trưởng cao và thu hút nhiều lao động do Bộ Thương mại công nhận.

4. SỰ KIỆN NỔI BẬT 2010



THÁNG 1

Angimex đi vào hoạt động với Ban Điều hành Công ty mới. Ngày 28/12/2009, Hội đồng quản trị Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang – Angimex thống nhất và chính thức bổ nhiệm Ban Điều hành mới.

THÁNG 3

Angimex phát động và tài trợ chiến dịch “Giải cứu sông Mê Kông” trong toàn tỉnh An Giang.

THÁNG 6

Bộ Công Thương tiếp tục công nhận Angimex là “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2009. Angimex liên tục được công nhận “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” từ khi giải thưởng bắt đầu cho đến nay.

THÁNG 7

- Angimex kinh doanh gạo vào thị trường Mỹ. Lần đầu tiên đưa vào vận hành hệ thống sấy lúa công nghiệp với công suất 10 tấn lúa/giờ.
- Angimex trở thành nhà phân phối chính thức phân vi sinh Dasvila tại thị trường An Giang.
- Dịch vụ “Tin nhắn báo giá mua gạo nguyên liệu” mở rộng 08 điểm báo giá.
- Gạo nhãn hiệu của Angimex vào thị trường Gia Lai, Kon Tum.

THÁNG 9

- Angimex được bình chọn Top 500 Thương Hiệu Việt năm 2010 do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam công nhận.
- UBND tỉnh An Giang tặng bằng khen về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước tỉnh An Giang giai đoạn 2005 - 2010.

THÁNG 10

- Angimex đứng thứ 3 trong tỉnh An Giang và 180 cả nước trong Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam – V1000 do Vietnamnet công bố.
- Các Cửa hàng Honda Angimex triển khai chương trình “Đổi xe cũ lấy xe mới”.

THÁNG 11

Angimex đứng thứ 64 trong Top 500 “Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam” và thứ 251 trong Top 500 “Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” năm 2010.

THÁNG 12

Thực hiện chương trình “Angimex chung tay xây dựng nông thôn mới”.



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

• TẦM NHÌN

- Giữ vững vị trí Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam.
- Phát triển tích hợp sản phẩm ngành lương thực và các ngành hàng mới nhằm đưa Công ty nằm trong Top 20 doanh nghiệp sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm lớn nhất Việt Nam.

• SỨ MỆNH

Angimex luôn mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác, người lao động.

• CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Trong ngắn hạn, Công ty tiếp tục tập trung phát triển bền vững các ngành kinh doanh truyền thống, phát triển vùng nguyên liệu để đảm bảo nguồn cung gạo chất lượng cao, xây dựng hệ thống kho chứa với các thiết bị sấy, xay xát, đánh bóng đồng bộ.

Trong trung và dài hạn, xuất khẩu gạo vẫn là chủ lực, đồng thời Công ty sẽ nâng dần tỷ trọng xuất khẩu gạo có chất lượng cao và tăng cường thúc đẩy tiêu thụ gạo nội địa.

Bên cạnh đó, Công ty tận dụng lợi thế sẵn có của ngành kinh doanh gạo để nghiên cứu, phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ lúa gạo, đầu tư cổ phần vào nhà máy trích ly dầu màng gạo, gạo đỏ. Đây được xem là xu hướng đang được đẩy mạnh trong thời gian tới của ngành lương thực trong nước. Đồng thời củng cố và phát triển ngành kinh doanh phân bón- vật tư nông nghiệp, phát triển dịch vụ sửa chữa, tân trang xe gắn máy và kinh doanh phụ tùng theo hướng chuyên nghiệp.

• NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh gạo tiêu thụ nội địa, gạo xuất khẩu và nhập khẩu trực tiếp.
- Kinh doanh xe mô tô và phụ tùng qua hệ thống HEAD do Honda Việt Nam ủy nhiệm.
- Kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...).

6. CÁC SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY:

- **GAO**

Kinh doanh gạo xuất khẩu

Ngay từ ban đầu Angimex đã xác định ngành gạo là ngành phát triển chủ lực của Công ty. Vì vậy Angimex đã không ngừng nâng cao cả về sản lượng và chất lượng mảng kinh doanh gạo. Công ty luôn nằm trong Top 10 doanh nghiệp xuất gạo lớn nhất Việt Nam. Angimex hiện có năng lực sản xuất 350.000 tấn gạo/năm với hệ thống các nhà máy chế biến lương thực được phân bố tại các vùng nguyên liệu trọng điểm, giao thông thuận lợi, sức chứa kho trên 70.000 tấn và hệ thống sấy, xay xát, lau bóng gạo, máy tách màu hiện đại. Mỗi năm Công ty xuất khẩu từ 230.000- 300.000 tấn gạo các loại sang các thị trường như: Singapore, Malaysia, Philippines, Indonesia, Africa, Iran, Iraq, Cuba, Hongkong, Cambodia,...



Kinh doanh gạo nội địa :

Hiểu được mong muốn và xu hướng người tiêu dùng là ngày càng quan tâm đến sản phẩm chất lượng, tính an toàn và nguồn gốc rõ ràng, Xí nghiệp sản xuất & kinh doanh Gạo An Toàn của Công ty đã xây dựng và phát triển các sản phẩm gạo đóng gói có nhãn hiệu, đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm và tốt cho sức khỏe nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Hiện tại Công ty đang phát triển 2 nhãn hàng tiêu biểu là An Gia, Mực Đồng, dự kiến trong năm 2011 Công ty sẽ đưa ra thị trường nội địa dòng sản phẩm mang thương hiệu Angimex



• XE MÁY

Honda dẫn đầu trên thế giới trong việc sản xuất, phân phối xe gắn máy với chất lượng cao. Công ty hiện có 03 HEAD do Honda VN ủy nhiệm và 01 Trung tâm bảo dưỡng & dịch vụ, 01 cửa hàng kinh doanh xe máy đảm bảo thoả mãn mọi nhu cầu về dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa, cung cấp các loại xe gắn máy và phụ tùng chính hiệu Honda với chất lượng toàn cầu.



• VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

Cửa hàng Vật tư nông nghiệp trực thuộc Công ty CP Xuất Nhập Khẩu An Giang chuyên bán sỉ và lẻ các loại phân bón, vật tư nông nghiệp phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp trong tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận. Hiện Công ty có 3 Kho Vật tư nông nghiệp (Thoại Sơn, An Hòa, Chợ Vàm).

Ngoài ra Cửa hàng Vật tư nông nghiệp còn cung cấp trực tiếp các loại Phân bón và thuốc nông dược đến tận tay nông dân thông qua các vùng bao tiêu nguyên liệu trong tỉnh.

Bên cạnh đó, trong năm 2010, nắm bắt xu hướng canh tác mới, Angimex đã ký kết với Công ty Dasco (Đồng Tháp) làm nhà phân phối độc quyền sản phẩm phân vi sinh Dasvila tại khu vực An Giang.





7. QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Tính từ thời điểm trở thành công ty cổ phần đến 31/12/2010 vốn điều lệ Công ty không thay đổi: 58.285.000.000 đồng.
Sang năm 2011, vốn điều lệ Công ty dự kiến tăng lên 182.000.000.000 đồng.



II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2010

- Tiếp tục tăng trưởng về lợi nhuận, tăng 15,7% so với năm 2009.
- Giữ vững uy tín và cải tiến tốt hơn về chất lượng gạo thông qua đầu tư máy tách màu, máy sấy và đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu lúa bao tiêu. Diện tích bao tiêu vùng nguyên liệu đã tăng lên 2.064 ha, tăng trưởng 185% so với năm 2009. Xuất khẩu gạo chất lượng cao tăng sản lượng gấp đôi so năm 2009 và mở rộng được thị trường Châu Mỹ.
- Xây dựng và thực hiện chiến lược hệ thống phân phối gạo nội địa mang tính chất dài hạn để phát triển sản phẩm đến hệ thống bán lẻ nhằm giữ vững và mở rộng thị phần. Kinh doanh gạo nội địa phát triển ở thị trường Tây Nguyên, đi sâu vào các nhà phân phối lớn để mở rộng thị trường xuống đại lý các cấp ở các tỉnh miền núi và trung du. Sản lượng kinh doanh gạo nội địa trong năm 2010 đã tăng 75% so năm 2009.
- Xây dựng kho trữ lúa và thiết bị xay xát tại Ba Thê và Xã Diểu (huyện Thoại Sơn) đang được triển khai theo đúng kế hoạch và đạt được những kết quả rất khả quan nhằm từng bước chuyển dịch nguồn cung kinh doanh từ gạo sang lúa.
- Đổi mới trang thiết bị sản xuất và ổn định hoạt động sản xuất gạo của Chi nhánh / Xí nghiệp sản xuất.
- Nghiên cứu và hoàn tất dự án xây dựng Nhà máy trích ly Dầu màng gạo, gia tăng giá trị cho ngành hàng lúa gạo từ sản phẩm chức năng cho sức khỏe được chế biến trích ly từ cám gạo. Hiện tại, sản phẩm này chỉ có một số ít doanh nghiệp thực hiện.
- Nâng cao năng lực tài chính qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 58,285 tỷ lên 182 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh khả thi đang được mở rộng, góp phần mang lại lợi nhuận cho Công ty và gia tăng giá trị cổ phiếu cho các Cổ đông.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO KẾ HOẠCH

Mặc dù chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế, đặc biệt thị trường gạo trong năm 2010 diễn biến khó lường và khó khăn trong việc dự báo, Angimex đã đánh giá, kiểm soát những rủi ro có thể xảy ra và thận trọng đưa ra những quyết sách trong từng giai đoạn, hạn chế sản lượng xuất khẩu gạo vào giai đoạn cuối năm khi tình hình giá cả nguồn cung không thuận lợi nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

ĐVT: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	So KH 2010	So năm 2009
Doanh thu	1.971.501	77,8%	97,3%
Lợi nhuận trước thuế	103.906	173,2%	115,7%

3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- **Nhân sự:**
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thôi kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, chuyển giao quyền điều hành từ đầu năm 2010 cho Ban Điều hành mới (gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) để có sự tập trung hơn vào chỉ đạo chiến lược và giám sát.
 - Thay đổi Thành viên trong Ban Kiểm soát do 2 Thành viên trong Ban Kiểm soát cũ từ nhiệm và bầu cử thành viên Ban Kiểm soát mới thay thế.
- **Những khoản đầu tư lớn:**
 - Đầu tư mua đất huyện Thoại Sơn 11 tỷ để kinh doanh Honda, phân bón, vật tư nông nghiệp và các ngành kinh doanh khác.
 - Đầu tư nâng cấp thiết bị sản xuất cho các phân xưởng chế biến xay xát lau bóng gạo: 6,8 tỷ đồng.
 - Chuẩn bị nguồn vốn đầu tư cho 2 dự án: (1) đầu tư cổ phần xây dựng Nhà máy trích ly Dầu màng gạo có vốn đầu tư 150 tỷ đồng, trong đó Angimex góp vốn 49% tương ứng 73,5 tỷ đồng, (2) Dự án xây dựng kho chứa lúa và thiết bị sấy, xay xát tại Xã Diểu - Bình Thành - Thoại Sơn đang trong giai đoạn triển khai cuối năm 2010 với số vốn là 77,870 tỷ đồng.
 - Đầu tư góp vốn thành lập Công ty Docitrans (công ty con của Công ty Docimexco) 1 tỷ đồng.

- **Phát triển thị trường mới:**

Mặc dù thị trường xuất khẩu truyền thống châu Á của Công ty bị thu hẹp bởi sản lượng XK giảm, nhưng Công ty nỗ lực mở được thị trường mới Châu Mỹ với loại gạo chất lượng cao Jasmine. Sản lượng XK gạo chất lượng cao Jasmine tăng gấp đôi so năm 2009 vào các thị trường cao cấp Singapore, Hong Kong, Mỹ và các nước châu Âu.

Thị trường gạo nội địa đang thâm nhập vào thị trường Tây nguyên (Gia Lai, Kon Tum) với nhãn hàng An Gia, Mực Đồng, và đang được Công ty nghiên cứu điều chỉnh khẩu vị sản phẩm phù hợp khách hàng hơn nữa .

4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

MỤC TIÊU NĂM 2011:

- **Doanh thu: 2.636 tỷ đồng**
- **Lợi nhuận: 72 tỷ đồng**

Angimex tiếp tục xây dựng năng lực cạnh tranh cốt lõi và hướng tới các mục tiêu chiến lược dài hạn. Gạo và những sản phẩm gia tăng từ gạo còn rất nhiều tiềm năng cho sự phát triển, đặc biệt trong xu thế biến đổi khí hậu toàn cầu.

Trên cơ sở đó, Angimex định hướng chiến lược phát triển trong năm 2011 - 2015 như sau:

- Tiếp tục phát triển 4 lĩnh vực kinh doanh:
 - o Kinh doanh gạo xuất khẩu và tiêu thụ nội địa là ngành kinh doanh chủ lực làm nền tảng cho sự phát triển
 - o Kinh doanh xe và phụ tùng Honda nhằm hỗ trợ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận
 - o Phát triển dịch vụ sấy lúa và kinh doanh phân bón gắn liền với vùng nguyên liệu bao tiêu
 - o Sản xuất và kinh doanh Dầu mành gạo nhằm tạo ra năng lực cạnh tranh bền vững trong dài hạn.
- Đầu tư mạnh mẽ vào việc xây dựng vùng nguyên liệu, với mục tiêu đạt 15.000 ha vào năm 2015, chuyển hướng xây dựng nguồn cung từ lúa thông qua việc thu mua lúa tươi cho nông dân, là nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, làm nền tảng cho việc tiến tới phát triển rộng thị trường gạo chất lượng cao và thị trường gạo nội địa, giúp nâng cao giá trị hình ảnh “an toàn” cho sản phẩm gạo của Công ty.
- Đầu tư phát triển xây dựng kho trữ lúa tại Ba Thê và Xã Diểu (huyện Thoại Sơn), kho Đa Phước (Thị xã Châu Đốc) và tiếp tục những vị trí thuận lợi khác nhằm hướng đến việc cải thiện tốt nhất chất lượng gạo.
- Nâng cao tỷ trọng gạo chất lượng cao chiếm 30% trong cơ cấu gạo xuất khẩu, nâng cao tỷ trọng gạo tiêu thụ nội địa chiếm 10% và tăng dần lên trong sản lượng kinh doanh gạo hàng năm.
- Tăng cường năng lực cốt lõi của Công ty như nguồn nhân lực, nguồn vật lực (kho, trang thiết bị: sấy và xay xát lúa, hệ thống máy tách màu, hệ thống đóng gói nhỏ,...), quy trình quản lý chất lượng, đặc biệt là hoạt động nghiên cứu phát triển, hoạt động kiểm soát nội bộ.

KẾT LUẬN:

Angimex đã vững vàng vượt qua thách thức, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng tài chính 2008 đến nay, và đang thay đổi để tiếp tục phát triển. Hội đồng quản trị Công ty mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng của các Quý cổ đông, của khách hàng, của nhà đầu tư, sự tâm huyết của Ban Điều hành cùng sự nỗ lực hết mình của toàn thể CBCNV để Công ty chúng ta tiếp tục thành công và phát triển bền vững.



5. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị đã cùng Ban Điều hành duy trì công tác hoạch định chiến lược, nghiên cứu những cơ hội đầu tư, phát triển sản phẩm và dịch vụ mới trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống phù hợp với định hướng phát triển đã báo cáo với Đại hội đồng cổ đông năm 2010

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010 như sau:

1. Tổ chức các phiên họp thường kỳ

- Ngày 09/3/2010, HĐQT họp lần thứ 1 trong năm 2010 thông qua các nội dung: (1) Xem xét báo cáo tổng kết năm 2009, phê duyệt việc phân phối lợi nhuận năm 2009 và thông qua chương trình tổ chức ĐHCĐ năm 2010; (2) Phê duyệt chính sách lương, phê duyệt chọn Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ là đơn vị kiểm toán 2 lần trong năm 2010; (3) Xem xét kế hoạch kinh doanh của Công ty quý I năm 2010
- Ngày 05/5/2010, Hội đồng quản trị họp lần thứ 2 thông qua các nội dung: (1) Xem xét, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty quý I năm 2010 và kế hoạch quý II năm 2010; (2) Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; (3) Phê duyệt việc đầu tư mua đất tại huyện Thoại Sơn - An Giang, trị giá 11,886 tỷ đồng để kinh doanh xe Honda, phân bón và các dịch vụ khác.
- Ngày 16/7/2010, Hội đồng quản trị họp lần thứ 3 thông qua các nội dung sau: (1) Xem xét, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty quý II, 6 tháng đầu năm và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2010. (2) Phê duyệt tạm ứng cổ

tức năm 2010 cho cổ đông: 20%/ vốn điều lệ. (3) Thảo luận về dự án Dầu màng gạo. (4) Phê duyệt thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông về việc chuyển nhượng cổ phần của Nhà đầu tư chiến lược Tổng Công ty Lương thực Miền Nam, và việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 58,285 tỷ đồng lên 182 tỷ đồng qua 2 đợt phát hành: phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện tại và phát hành ESOP. (5) Phê duyệt đơn vị tư vấn thực hiện việc phát hành cổ phiếu: Công ty CP Chứng khoán Bản Việt. (6) Phê duyệt 3 tỷ đồng để Công ty mua xe đưa rước khách hàng và xe chuyên dùng.

- Ngày 21/10/2010, Hội đồng quản trị họp lần thứ 4 thông qua các nội dung sau: (1) Xem xét, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty quý III, 9 tháng đầu năm 2010 và kế hoạch kinh doanh quý IV. (2) Phê duyệt cơ cấu tổ chức mới và bố trí nhân sự. (3) Phê duyệt góp vốn 1 tỷ đồng thành lập Công ty Docitrans (công ty con của Công ty Docimexco), hiện Công ty này đã đi vào hoạt động.

2. Tổ chức 1 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

3. Tổ chức 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông bất thường lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc: (1) chuyển nhượng cổ phần của Nhà đầu tư chiến lược Tổng Công ty Lương thực Miền Nam; (2) phát hành cổ phiếu thưởng và cổ phiếu ESOP để tăng vốn điều lệ từ 58,285 tỷ lên 182 tỷ đồng.
4. Thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2010 cho các cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% /vốn điều lệ vào tháng 7/2010. Tỷ lệ cổ tức năm 2010 sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.
5. Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: (1) phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hành ngày 14/2/2011 để tăng vốn từ 58,825 tỷ đồng lên 174,855 tỷ đồng; (2) phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ngày 5/4/2011 để tăng vốn từ 174,855 tỷ đồng lên 182 tỷ đồng.
6. Chuẩn bị các thủ tục để tiến hành niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM.





III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

• CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	% Tăng/giảm
Tổng tài sản	987.322	1.236.392	25,2%
Tài sản ngắn hạn	926.048	1.017.216	9,8%
Tài sản dài hạn	61.274	219.176	257,7%
Tổng nguồn vốn	987.322	1.236.392	25,2%
Nợ phải trả	664.146	872.194	31,3%
Vốn chủ sở hữu	323.175	364.198	12,7%

• CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	Các chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1	Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán hiện thời	1,49	1,42
	Khả năng thanh toán nhanh	0,66	0,80
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,67	0,71
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,02	2,39
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	10,39	8,70
	Doanh thu thuần /Tổng tài sản	2,05	1,59
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	3,42%	3,76%
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	23,05%	21,56%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	7,54%	6,35%
5	Thu nhập/cổ phiếu		
	Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	12.780	13.474

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010 tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp và phục hồi chưa rõ nét, nền kinh tế Việt Nam cũng chịu nhiều thách thức, lạm phát tăng, tỷ giá biến động mạnh đã tác động đến giá lúa gạo, phân bón và hầu hết các hàng hóa tiêu dùng khác.

Thị trường gạo năm 2010 diễn biến khá bất thường và khó dự đoán. Cuối năm 2009 và đầu năm 2010 giá gạo 5% tằm đạt gần 600USD/tấn, sau đó giảm mạnh vào cuối quý 2/2010 còn 427USD/tấn, đến cuối quý 4/2010 giá gạo lại tăng lên phổ biến ở mức 500USD/tấn, có thời điểm lên đến 540USD/tấn

Trước diễn biến giá gạo xuất khẩu dao động như trên, Công ty cũng đã có những chính sách thích ứng như trong quý 1/2010 chủ yếu tập trung ký các hợp đồng giao ngay đồng thời giao hàng các hợp đồng của Chính phủ. Tương tự trong quý 2/2010, Công ty cũng rất thận trọng với các hợp đồng ký mới. Do Công ty đã ký được những hợp đồng giá cao nên lợi nhuận xuất khẩu gạo trong 2 quý đầu năm vượt 72% so với cùng kỳ và đạt trên 60% kế hoạch năm 2010. Trong 2 quý cuối năm, tình hình xuất khẩu cũng như việc thu mua nguyên liệu không thuận lợi nên đã ảnh hưởng đến sản lượng xuất khẩu của Công ty. Điều này thể hiện cụ thể là sản lượng kinh doanh lương thực giảm 17,5% so với năm 2009. Tuy nhiên, trong đó sản lượng kinh doanh gạo nội địa lại tăng 75% so với năm 2009 dù tỷ trọng chiếm chưa nhiều trong tổng sản lượng lương thực.

KẾT QUẢ KINH DOANH TOÀN CÔNG TY

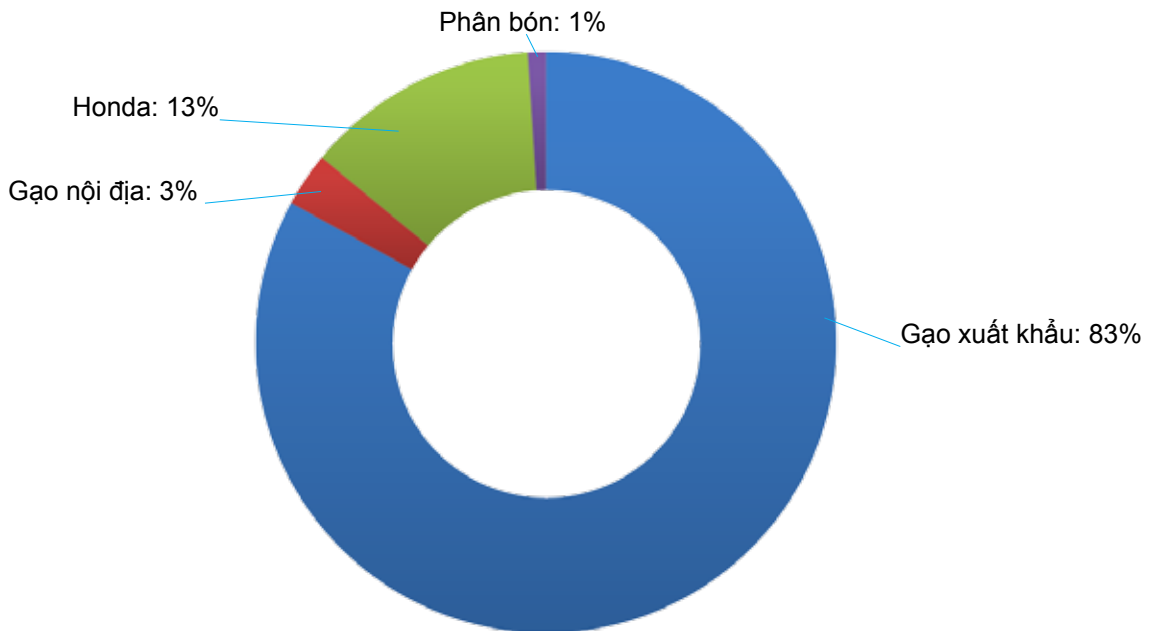
Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	TH 2010/TH 2009	TH 2010/KH 2010
1. Số lượng KD lương thực (tấn)	239.873	260.000	197.850	82,5%	76,1%
- Số lượng giao hàng XK	236.595	250.000	192.110	81,2%	76,9%
- Số lượng KD gạo nội địa	3.278	10.000	5.740	175,1%	57,4%
2. Doanh thu (triệu đồng)	2.026.373	2.533.346	1.971.501	97,3%	77,8%
- Lương thực	1.791.631	2.283.022	1.706.208	95,2%	74,7%
- Honda	215.223	228.799	251.023	116,6%	109,7%
- Kinh doanh tổng hợp	19.519	-	-	-	-
- Phân bón	-	21.525	14.270	-	66,3%
3. Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	89.786	60.000	103.906	115,7%	173,2%
- Lương thực	70.868	47.420	88.046	124,2%	185,7%
- Honda	20.402	12.015	14.349	70%	119,4%
- Kinh doanh tổng hợp	(3.906)	-	-	-	-
- Phân bón	-	565	(956)	-	-
- Đầu tư tài chính	2.422	-	2.467	101,9%	-

Do tỷ trọng kinh doanh lương thực chiếm đến 86% tổng doanh thu nên sản lượng xuất khẩu gạo giảm đã ảnh hưởng đến doanh thu năm 2010. Doanh thu năm 2010 đạt 1.971 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2009 và hoàn thành 77,8% so với kế hoạch năm 2010. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế cả năm 2010 lại tăng 15,7% so với năm 2009 và hoàn thành 173,2% so với kế hoạch năm 2010. (Nguyên nhân sản lượng giảm khoảng 18% so với năm 2009 nhưng lợi nhuận gộp lại tăng từ 3,4% lên 7,5% là do giá bán trung bình của Công ty đã tăng khoảng 23% so với năm 2009. Điều này khiến lợi nhuận trước thuế đã vượt kế hoạch đề ra từ đầu năm).

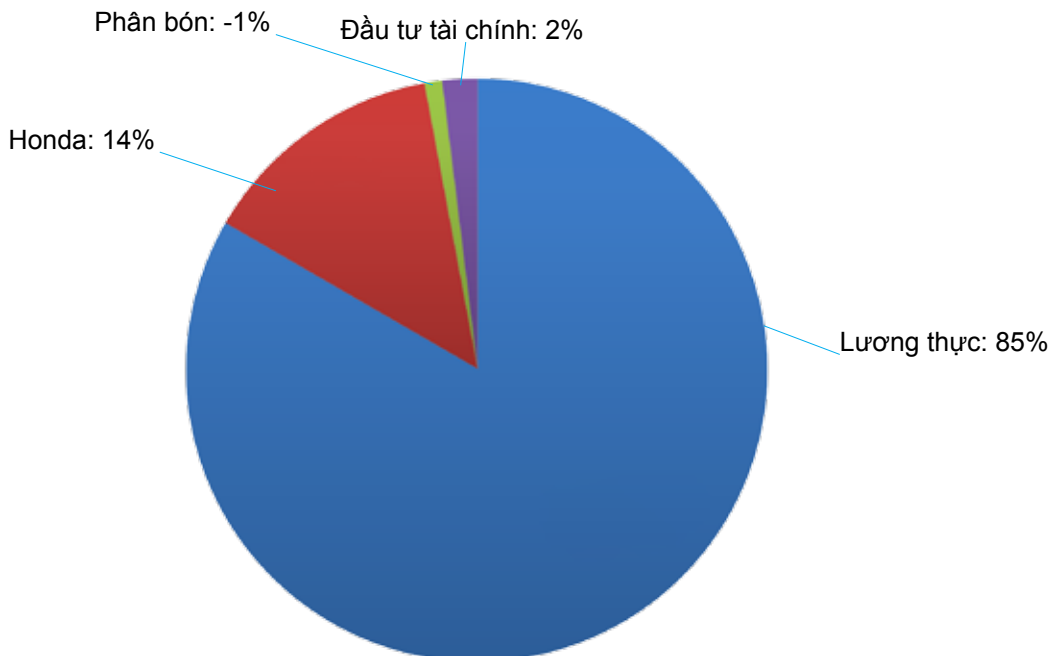
Trong tổng lợi nhuận trước thuế, mảng kinh doanh lương thực và Honda chiếm lần lượt là 85%, 14% tổng lợi nhuận trước thuế năm 2010.

Riêng mảng kinh doanh phân bón, hiện tại Công ty chủ yếu hỗ trợ và tạo giá trị gia tăng cho các hộ nông dân là chính để đảm bảo quy trình khép kín (vùng nguyên liệu – canh tác – xay xát – đánh bóng – xuất khẩu), do đó mảng vật tư nông nghiệp của Công ty chưa tạo lợi nhuận trong những năm gần đây.

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2010:

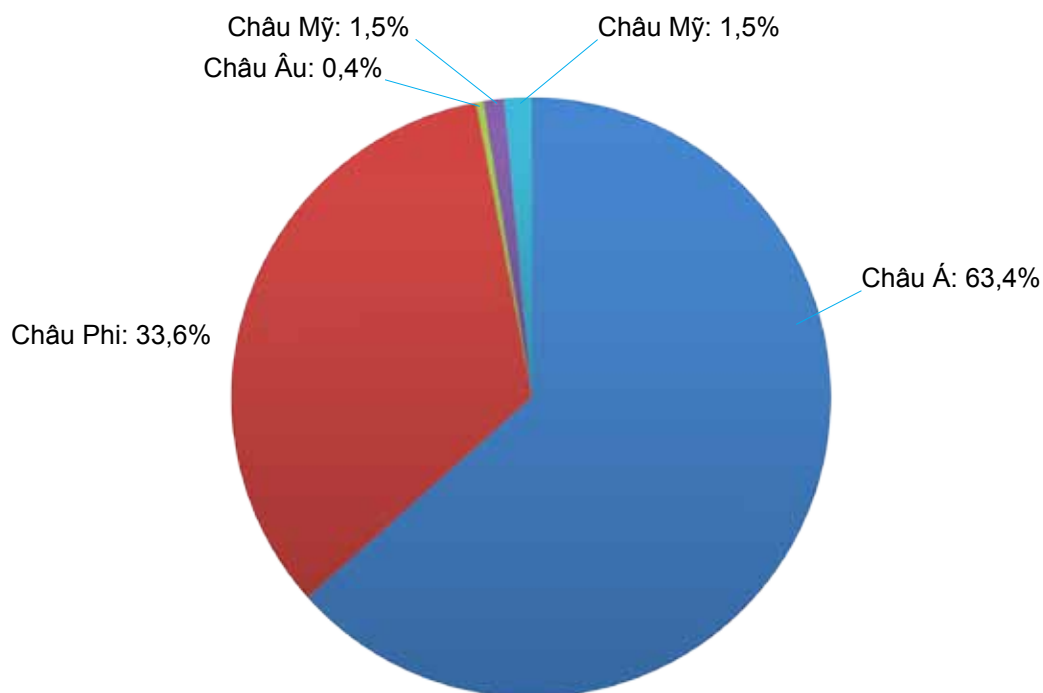


CƠ CẤU LỢI NHUẬN 2010

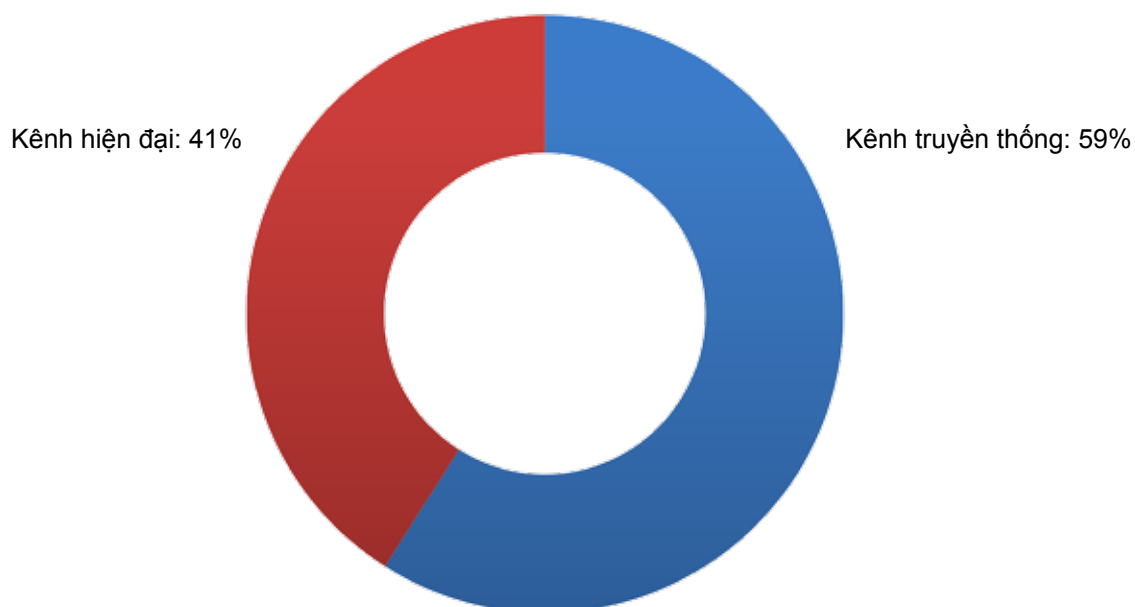


THỊ TRƯỜNG GẠO XUẤT KHẨU :

Kim ngạch xuất khẩu 2010 đạt 74.448.672 USD tương ứng số lượng đạt 192.110 tấn gạo các loại, giảm 8% về kim ngạch và 19% về sản lượng so với năm 2009. Thị trường Châu Á vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm tỷ trọng 63,4% thị trường xuất khẩu trực tiếp

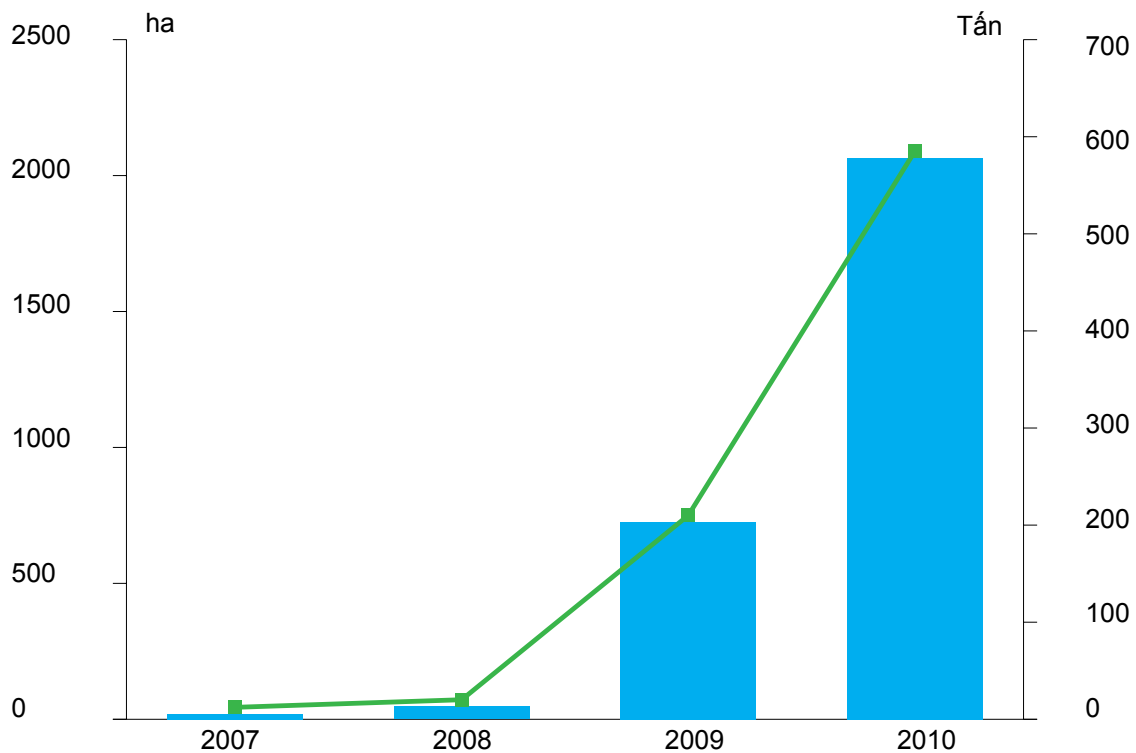
**THỊ TRƯỜNG GẠO NỘI ĐỊA**

Sản lượng tiêu thụ nội địa năm 2010 tăng 75 % so với năm 2009, các nhãn hàng gạo của Angimex đã thâm nhập được vào thị trường Tây nguyên, hệ thống siêu thị Co.op Mart, và một số thị trường khác. Trong đó kênh truyền thống chiếm tỷ trọng 59%,



PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU BAO TIÊU

Nhằm đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng cũng như nâng cao giá trị hạt gạo, Công ty đã và đang có chiến lược mở rộng diện tích và sản lượng bao tiêu vùng nguyên liệu. Cụ thể Angimex ký hợp đồng và giá thu mua từ đầu vụ với các hộ nông dân, cung cấp hạt giống, phân bón, quy trình canh tác và cử các cán bộ hướng dẫn kỹ thuật để đảm bảo nguồn nguyên liệu đạt chất lượng cao. Điều này sẽ giúp Angimex ổn định được nguồn thu mua cũng như chất lượng sản phẩm. Diện tích và sản lượng thu mua lúa liên tục tăng mạnh trong những năm vừa qua.



	2007	2008	2009	2010
DT Bao tiêu	19	47	725	2064
SL Thu mua	70	188	2831	6079

3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2010, chi tiết tiến độ đầu tư vào từng dự án được trình bày cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu Đồng

Khoản mục	Giá trị đầu tư		TH 2010	Ghi chú
	2010	2011		
1. Xây dựng mới, lắp đặt thiết bị sấy và xay xát lúa:				
- Kho Đa Phước, huyện An Phú	270	16.530		
- Kho Xã Diểu, Bình Thành, huyện Thoại Sơn	25.000	20.450	739	Đang triển khai
2. Mua đất mở rộng diện tích				
- Kho Ba Thê, huyện Thoại Sơn	450			
- Mua đất liền kề Phân xưởng Long Xuyên	8.500			Dừng thực hiện
- Mua đất tại huyện Thoại Sơn	12.000		12.000	Chưa thanh toán
3. Nâng cấp cửa hàng Honda Angimex 3 tại Long Xuyên	500		532	
4. Nâng cấp thiết bị phụ trợ cho các nhà máy	5.000		6.842	
5. Đầu tư xây dựng TTKD dịch vụ - sửa chữa xe ô tô	5.000			Dừng lại theo ý kiến HĐQT
6. Sửa chữa – nâng cấp văn phòng công ty	2.300			
7. Sửa chữa – nâng cấp văn phòng CN TP.HCM	1.700			
8. Mua đất cho cửa hàng Honda Châu Đốc	5.500			
9. Mua đất cho Cửa hàng Honda Long xuyên	6.500			Dừng thực hiện
10. Phát sinh ngoài kế hoạch				
- Mua đất mở rộng CH Honda Angimex 3			270	
TỔNG CỘNG	72.720	36.980	20.383	



4. BÁO CÁO ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chi tiết		Đầu năm		Cuối năm		LN đã nhận 2010
		SL	Trị giá	SL	Trị giá	(Triệu đồng)
		(CP)	(TR.Đ)	(CP)	(TR.Đ)	
CỔ PHIẾU						
1	Eximbank	113.893	1.151	113.893	1.151	46
3	HTXNN Trường Thạnh	600	60	600	60	16
4	HTXNN Tân Mỹ Hưng	133	20	133	20	0
5	HTXNN Thọ Mỹ Hưng	250	30	250	30	4
GÓP VỐN LIÊN DOANH						
1	Cty TNHH ANGIMEX-KITOKU		2.951		2.951	601
2	Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang		3.750		4.031	1.800
	TỔNG	114.876	7.926	114.876	8.243	2.467
ĐẦU TƯ MỚI MUA CỔ PHIẾU:						
1	Công ty CP Đầu tư Phát Triển Vĩnh Hội 4.500.000		150.000		150.000	-
2	Công ty CP Docitrans			100.000	1.000	

5. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2010

• Công tác tái cấu trúc công ty

Công ty đã thành công bước đầu trong việc tái cấu trúc lại công ty, đã nhanh chóng hoàn thiện dần mô hình tổ chức theo hướng chuyên sâu theo từng đơn vị, nâng cao vai trò quản lý của các bộ phận, quản lý tập trung các lĩnh vực kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính năng động, linh hoạt trong vai trò thực hiện chức năng của từng đơn vị như :

- Bổ nhiệm Chánh văn phòng để theo dõi , đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Thành lập Quỹ Angimex phát triển nông thôn để chuyên thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng.
- Thành lập các ban dự án và bổ nhiệm các giám đốc để xúc tiến nhanh các dự án theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Thành lập : phòng Marketing – PTKD, phòng kinh doanh lương thực, Phòng đầu tư phát triển, Cửa hàng phân bón – vật tư nông nghiệp.
- Sắp xếp, cơ cấu lại Chi nhánh, xí nghiệp ngành lương thực, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và các bộ phận khác.

• Chính sách đối với nguồn nhân lực Công ty

- Ban hành chính sách bán hàng nhằm thúc đẩy việc mở rộng thị trường và khách hàng .
- Phát động thi đua theo các chỉ tiêu cụ thể của từng đơn vị và khen thưởng theo kết quả đạt được, thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.
- Chú trọng đào tạo thực tế .
- Thu hút người giỏi vào làm việc tại Công ty thông qua hợp đồng lao động với mức lương thỏa thuận, thưởng theo hiệu quả
- Tạo môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp để giữ lao động giỏi.
- Có chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch để thu hút nhân tài

- **Phát triển hệ thống phân phối gạo nội địa**

Trong năm 2010, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong việc mở rộng hệ thống phân phối, nhưng Công ty vẫn cố gắng phát triển hệ thống phân phối tại Gia Lai, Kon Tum để mở rộng thị trường và tạo cơ hội gia tăng thị phần cho các sản phẩm gạo nội địa.

- **Quản lý rủi ro**

- *Rủi ro về nguồn cung:* Công ty luôn theo dõi thường xuyên các thông tin về lịch mùa vụ; tình hình thời tiết; nhu cầu đối với các sản phẩm, thị trường,.... Từ đó, xây dựng kế hoạch mua bán & tồn kho hợp lý đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường, đảm bảo cung cấp đủ số lượng cho các hợp đồng với mức giá có lợi nhất
- *Rủi ro về biến động giá:* Nhằm tránh rủi ro về sự biến động giá, công ty luôn theo dõi sát sao tình hình cung cầu trên thị trường nhằm nắm bắt, dự báo sự biến động về giá cả để có kế hoạch tồn kho tốt; hạn chế tối đa thiệt hại về thu nhập từ sự biến động giá
- *Rủi ro về lãi suất & tỷ giá:* Công ty thực hiện tốt việc quản lý rủi ro về lãi suất thông qua việc theo dõi diễn biến lãi suất thị trường hàng ngày, hàng quý phân tích, đo lường, đánh giá và thông tin nhằm phát hiện & xử lý kịp thời nhằm hạn chế rủi ro về lãi suất & tỷ giá ảnh hưởng giảm lợi nhuận ở mức thấp nhất mà công ty có thể chấp nhận được.

- **Kiểm soát nội bộ**

- Kiểm quỹ đột xuất tại các đơn vị kinh doanh .
- Kiểm tra, chấm điểm, khen thưởng việc thực hiện 5S hàng quý nhằm nâng cao việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động, vệ sinh kho tàng nhà xưởng .
- Ban hành các qui định , quy chế quản lý (đầu tư, đấu thầu, thưởng ý tưởng mới...)

6. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHO NĂM 2011

Năm 2011 thực hiện các mục tiêu theo chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2011-2015 của HĐQT trên cơ sở duy trì sự ổn định các ngành hàng chủ lực hiện tại, từng bước khôi phục lại ngành hàng nhập khẩu và phát triển các ngành hàng mới.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Tỷ lệ (%) 2011/2010
1. Số lượng KD lương thực (tấn)	260.000	197.850	240.000	121,3%
- Số lượng giao hàng XK	250.000	192.110	230.000	119,7%
- Số lượng KD gạo nội địa	10.000	5.740	10.000	174,2%
2. Doanh thu (triệu đồng)	2.533.346	1.971.501	2.636.022	133,7%
- Lương thực	2.283.022	1.706.208	2.140.867	125,5%
- Honda	228.799	251.023	279.742	111,4%
- Phân bón	21.525	14.270	103.413	724,7%
- Hàng nhập khẩu	-	-	112.000	
3. Lợi nhuận trước thuế (tr.đồng)	60.000	103.906	72.000	69,3%
- Lương thực	47.420	88.046	55.066	62,5%
- Honda	12.015	14.349	13.500	94,1%
- Phân bón	565	-956	3.434	-
- Đầu tư tài chính	-	2.467	-	-

Tên dự án	Giá trị đầu tư (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện
1. Sửa chữa - Nâng cấp VP Cty: (chuyển từ 2010 sang)	4.751	Hoàn thành vào đầu tháng 9/2011.
2. Sửa chữa - Nâng cấp CN Tp. HCM: (chuyển từ 2010 sang)	2.200	
3. Đa Phước:	39.040	Năm 2011: thuê đất lang bồi, Lập dự án, Thiết kế, Thi công kè & San lấp mặt bằng. Năm 2012: Đầu tư xây dựng + thiết bị.
4. Xã Diểu:	77.870	Hoàn thành trong năm 2011.
5. Mở rộng Kho Ba Thê (Sơn Hòa):	1.535	
6. Trung tâm kinh doanh tổng hợp (Tổng Kho):	6.500	Thực hiện trong năm 2011 và 2012.
7. Mua đất, xây dựng CH Honda Châu Đốc:	9.500	Mua đất trong năm 2011. Đầu tư xây dựng + thiết bị trong năm 2012.
8. Cửa hàng Honda Thoại Sơn:	1.450	
9. Nâng cấp thiết bị phụ trợ cho các Nhà máy:	5.000	Thực hiện trong năm 2011.
10. Đầu tư cổ phần vào nhà máy trích ly dầu màng gạo	73.500	Thực hiện trong năm 2011 và 2012.
CHI PHÍ ĐẦU TƯ	221.346	

7. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN NHỮNG MỤC TIÊU ĐỀ RA

- **Ngành Lương thực :**
 - Tăng cường công tác quản trị giá cả, mùa vụ để có kế hoạch mua – bán - tồn kho hiệu quả theo từng thời điểm, phát huy hết năng lực thu mua, dự trữ lúa, nâng cao năng lực xuất nhập hàng và quản trị cân đầu vào. Tăng tỷ lệ gạo chất lượng cao đạt 15%/tổng sản lượng tiêu thụ.
 - Duy trì các thị trường truyền thống, đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước. Phát triển hệ thống phân phối gạo nội địa, ưu tiên phát triển thị trường miền Trung, Đông nam bộ và Tây Nguyên.
 - Ký hợp đồng tiêu thụ lúa thơm, lúa chất lượng cao đạt 3.000 ha, đẩy nhanh tiến độ đầu tư việc thực hiện và hoàn thành dự án Xã Diểu, Đa Phước,... tạo điều kiện cho ngành lương thực chuyển dịch và phát triển kinh doanh từ lúa.
 - Tăng cường quản lý chất lượng, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO, HACCP, phát triển thị trường Châu Âu, Mỹ.
 - Đưa ra thị trường nội địa 03 sản phẩm gạo mới, đào tạo đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp cho gạo nội địa. Mở cửa hàng bán các sản phẩm gạo tại văn phòng CN TPHCM, tổng kho và VP Công ty
- **Ngành kinh doanh Honda**
 - Tiếp tục duy trì, nâng cấp phần cứng và phần mềm của 03 HEAD, mở thêm cửa Cửa hàng Honda Thoại Sơn và xác định phương án kinh doanh tại tổng kho vào đầu năm 2011
 - Tập trung bán lẻ xe tại HEAD, giảm bán sỉ xe, đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng sỉ phụ tùng trong và ngoài Tỉnh, tăng cường chăm sóc khách hàng tại các Cửa hàng.
- **Ngành kinh doanh phân bón - VTNN:**
 - Thực hiện chức năng là nhà đại lý, phân phối và nhà cung cấp các sản phẩm phân bón, thuốc nông dược và các loại vật tư nông nghiệp.
 - Phát triển hệ thống phân phối trong và ngoài tỉnh, mở 3 cửa hàng kinh doanh phân bón, thuốc nông dược, vật tư nông nghiệp tại Thoại Sơn, Chợ Vàm và An Hòa.
- **Nhập khẩu:**
 - Nghiên cứu thị trường hàng hóa trong nước, từng bước khôi phục lại việc nhập khẩu các loại hàng hóa theo định hướng kinh doanh của Công ty, kim ngạch đạt 8 triệu USD.

A photograph of a bamboo forest. The image is split horizontally. The top half shows a dense canopy of bamboo leaves, which are a vibrant yellow-green color, suggesting sunlight filtering through. The bottom half shows the bamboo stalks, which are tall, slender, and light green with distinct nodes. A semi-transparent blue horizontal band is overlaid across the middle of the image, containing the text.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.
- Căn cứ báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam – CN Cần Thơ của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra quá trình hoạt động của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang, kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2010.

1. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

• Công tác tài chính kế toán, lập và kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính năm 2010:

Công ty thực hiện công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các số liệu tài chính được ghi nhận đầy đủ, chính xác từ việc tổng hợp số liệu chi tiết của các chứng từ gốc hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

Báo cáo quyết toán tài chính năm 2010 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chế độ quản lý tài chính do Bộ tài chính ban hành.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN CỦA CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2010:

ĐVT: Triệu Đồng

CHỈ TIÊU (TR.Đ)	2009	2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	926.048	1.017.216
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	434.373	645.820
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		41.770
III. Các khoản phải thu	207.929	94.744
IV. Hàng tồn kho	283.229	221.498
V. Tài sản ngắn hạn khác	517	13.384
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	61.274	219.176
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	51.884	59.141
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.962	159.243
V. Tài sản dài hạn khác	1.428	792
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	987.322	1.236.392
A. NỢ PHẢI TRẢ	664.146	872.194
I. Nợ ngắn hạn	657.215	863.401
II. Nợ dài hạn	6.931	8.793
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	323.175	364.198
I. Vốn chủ sở hữu	323.175	364.198
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	987.322	1.236.392

- **Về tài sản:**

Tổng tài sản của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang đến ngày 31/12/2010 là 1.236.392 triệu đồng, so cùng kỳ năm trước tăng 25%. Trong đó:

- Tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Số dư cuối năm 687.590 triệu đồng, tăng 59% so với đầu năm, do thời điểm cuối năm Công ty chưa thu mua nguyên liệu nhiều nên chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.
- Công nợ phải thu: nếu không tính khoản ứng trước tiền mua cổ phần CTCP Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội (xem thêm BCTC kiểm toán 2009), công nợ phải thu cuối năm tương đương với đầu năm. Trong năm Công ty cũng đã thực tốt việc theo dõi và thu hồi công nợ.
- Hàng tồn kho: giảm 21,8%, số dư cuối năm là 221.498 triệu đồng. Hàng tồn kho chủ yếu là gạo thành phẩm, chuẩn bị xuất cho năm tới.
- Đầu tư tài chính dài hạn: tăng từ 7.962 triệu đồng đầu năm lên 159.243 triệu đồng vào cuối năm. Do Công ty đã đầu tư 150 tỷ đồng vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội, tỷ lệ nắm giữ chiếm 25%.

- **Về nguồn vốn:**

- Tổng nguồn vốn của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang đến 31/12/2010 là: 1.236.392 triệu đồng.
- Nợ phải trả: Tổng dư nợ cuối kỳ 2010 là 872.194 triệu đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 31,3%. Trong đó, chủ yếu là do khoản vay ngắn hạn tăng. Cuối năm 2010, theo chỉ thị của Nhà nước tăng mua tích trữ gạo nên Công ty đã tăng vay ngắn hạn để chuẩn bị cho thu mua nguyên liệu.
- Vốn chủ sở hữu: Tổng nguồn vốn chủ sở hữu: 364.198 triệu đồng. Trong đó: Vốn điều lệ: 58.285 triệu đồng.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010:

Báo cáo quyết toán tài chính năm 2010 của Công ty đã được Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ kiểm toán, đã phản ánh trung thực và hợp lý kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Thực hiện/ Kế hoạch 2010 (%)	Thực hiện 2010/Thực hiện 2009 (%)	Thực hiện 2009
1	Tổng doanh thu (triệu đồng)	2.533.346	2.087.335	82%	95,7%	2.179.489
	Doanh thu từ HĐ SXKD		1.971.501			2.026.372
	Doanh thu từ HĐ Tài chính		114.990			137.881
	Doanh thu khác		844			15.236
2	Tổng chi phí (tr đ)		1.983.429			2.089.702
	Chi phí từ HĐ SXKD		1.931.756			2.052.249
	Chi phí từ HĐ Tài chính		51.625			37.197
	Chi phí khác		48			257
3	Lợi nhuận trước thuế (tr đ)	60.000	103.906	173,2%	115,7%	89.786
3	Thuế TNDN phải nộp (tr đ)		25.372			15.297
4	Lợi nhuận sau thuế (tr đ)		78.534			74.489
6	LN còn lại chưa phân phối (tr đ)		227.364			-
7	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		13.474			12.780
	4. LNST / doanh thu		3,76			3,42
	5. LNST / Vốn điều lệ		1,34			1,27

- **Nhận xét:**

Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm 2010 do Đại hội cổ đông đề ra như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2010 là: 2.087.335 tỷ đồng, bằng 95,7% so với năm 2009 và đạt 82% so với kế hoạch 2010.
- Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là : 1.971.501 đồng đạt 77,8% kế hoạch và bằng 97,3% so với năm 2009.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2010 là: 103 tỷ đồng, tăng 15,7% so với năm 2009 và đạt 173,2% so với kế hoạch năm 2010.

- **Phân phối lợi nhuận năm 2010:**

- Lợi nhuận sau thuế: 78.533.800.983 đồng
- Đã trả cổ tức đợt 1 (20%) năm 2010: 11.657.000.000 đồng
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 227.363.900.608 đồng

3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2010 Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng quy định của Điều lệ Tổ chức và hoạt động cụ thể như sau:

- Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm kê hàng hóa cuối năm, thẩm tra báo cáo tài chính hàng quý của công ty; cùng với đoàn kiểm toán kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và năm 2010.
- Xem xét tính hợp lý các quy định và quy trình luân chuyển chứng từ kế toán
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, BHXH, BHYT, và các nghĩa vụ tài chính khác).
- Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG

- **Đối với hội đồng quản trị**

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị, đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp hàng quý để xây dựng chương trình hoạt động công tác quý, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Hội đồng quản trị đã thể hiện sự vững vàng trong công tác quản lý doanh nghiệp và đã đạt được kết quả mà Nghị quyết Đại hội cổ đông đã đề ra.
- Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá của Hội đồng quản trị tại báo cáo thường niên năm 2010.

- **Đối với ban điều hành**

Trong năm 2010, Ban điều hành đã thực hiện đúng các qui định hiện hành của pháp luật Nhà nước, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và chỉ đạo của chủ tịch HĐQT trong quản lý điều hành hoạt động của Công ty

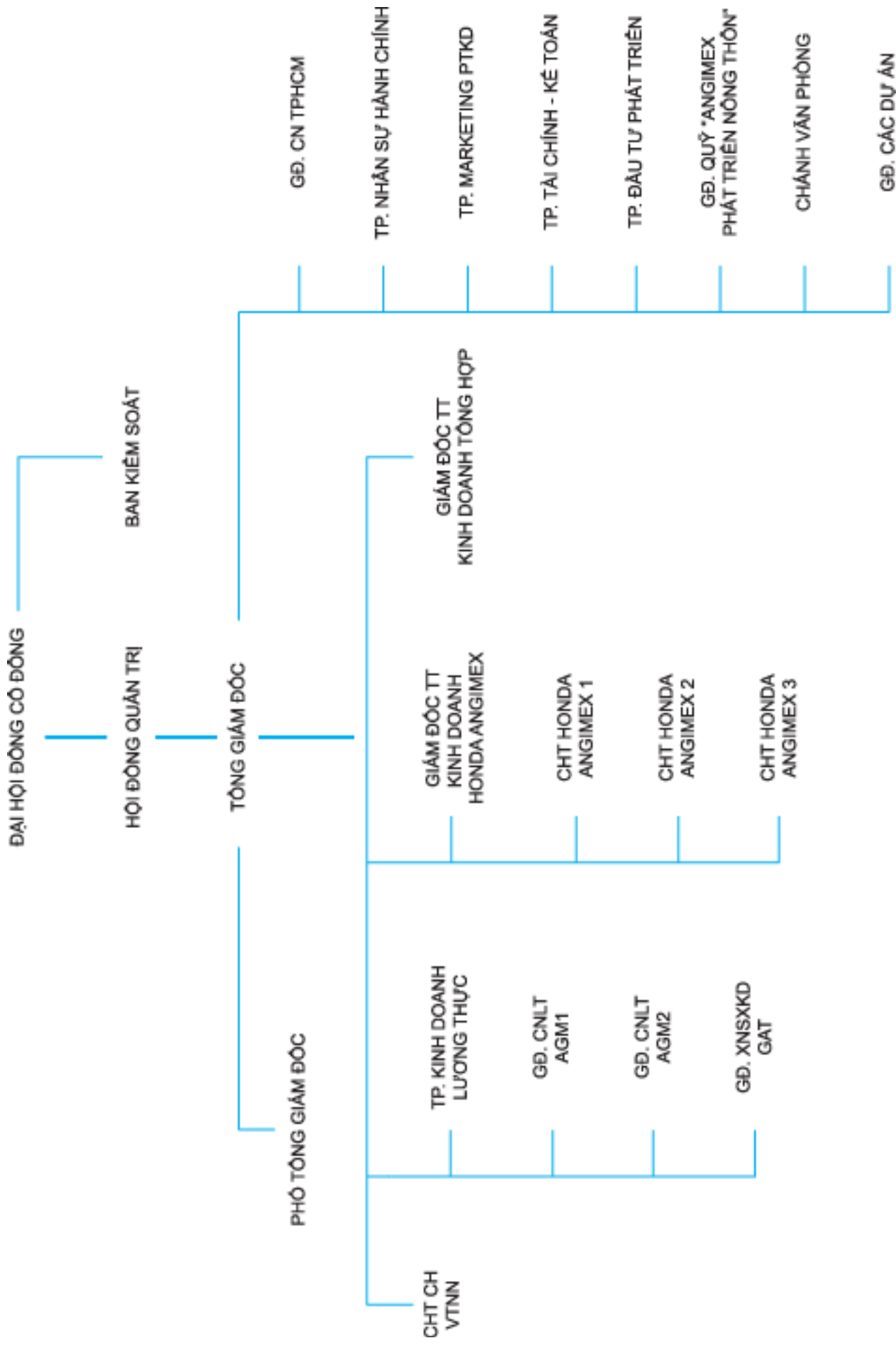
4. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Với hiệu quả kinh doanh năm 2010 và triển vọng phát triển sản xuất kinh doanh khả quan trong những năm sắp tới. Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành xem xét có phương án trình đại hội đồng cổ đông về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty và kế hoạch trong năm tới.



V. TỔ CHỨC NHÂN SỰ





2. BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY:

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ : GỒM 7 THÀNH VIÊN**

HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Cao Minh Lãm	1959	Chủ tịch	Đại học kinh tế
Ông Nguyễn Văn Tiến	1961	Thành viên	Đại học kinh tế
Ông Anthony Nguyễn	1968	Thành viên	Cao học kinh tế
Ông Lê Trường Sơn	1963	Thành viên	Cao học kinh tế
Ông Lê Ngọc Đăng	1972	Thành viên	Cao học kinh tế
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	1972	Thành viên	Đại học kinh tế
Ông Huỳnh Văn Thôn	1958	Thành viên	Đại học kinh tế

- BAN KIỂM SOÁT : GỒM 3 THÀNH VIÊN**

HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Trang Hữu Nghĩa	1972	Trưởng ban	Đại học Luật
Ông Trần Thế Chiến	1968	Ủy viên	Đại học kinh tế
Ông Lê Văn Liêm	1954	Ủy Viên	Đại học luật

- BAN ĐIỀU HÀNH : GỒM 3 THÀNH VIÊN**

HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Ông Nguyễn Văn Tiến	1961	Tổng Giám đốc	Đại học kinh tế
Ông Võ Thanh Bào	1964	Phó Tổng Giám đốc	Đại học kinh tế
Ông Huỳnh Thanh Tùng	1977	Kế toán trưởng	Đại học kinh tế

3. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tình hình nhân sự của HĐQT, Ban Kiểm soát, ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty từ sau Đại hội đồng cổ đông năm 2010 tổ chức ngày 08/4/2010 đến nay không thay đổi.

4. CƠ CẤU LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng nhân sự đến 31/12/2010

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ	294	100%
	Đại học và trên đại học	82	27,89%
	Cao đẳng	09	3,06%
	Trung cấp và sơ cấp	52	17,69%
	Lao động phổ thông	151	51,36%
2	Phân theo thời hạn hợp đồng	294	100%
	Lao động không xác định thời hạn	287	97,62%
	Lao động có thời hạn từ 1-3 năm	01	0,34%
	Lao động có thời hạn 1 năm	06	2,04%

- Chính sách đối với người lao động**

Nhằm sắp xếp kiện toàn và xây dựng tổ chức bộ máy hoạt động có hiệu quả theo cơ chế mới phù hợp với giai đoạn hội nhập và phát triển, Công ty xây dựng và ban hành kịp thời, đầy đủ các quy chế, quy định quản trị cơ bản nhằm phục vụ cho công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp, xây dựng nội quy, quy chế lao động, quy chế lương thưởng công bằng, hợp lý, thu nhập bình quân đảm bảo cuộc sống của CB.CNV, thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động (BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn,...), duy trì thường xuyên chế độ nghỉ mát hàng năm, thực hiện khám sức khỏe cho người lao động và lao động nữ, trang bị đầy đủ công cụ làm việc cho người lao động,...Ngoài ra, Công ty có những chính sách thực hiện phát hành cổ phiếu ưu đãi cho các cán bộ chủ chốt để giữ nhân tài và tạo động lực để hoàn thành nhiệm vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Chính sách đào tạo: Công ty tổ chức các khóa đào tạo và luôn tạo điều kiện cho tất cả cán bộ công nhân viên tham gia học tập, nghiên cứu để nâng cao kiến thức, trình độ và kỹ năng theo nghiệp vụ chuyên môn và nhu cầu công việc. Tổng chi phí đào tạo năm 2010 là 100 triệu đồng và dự kiến trong năm 2011 là 179 triệu đồng.

5. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

• Hội đồng quản trị, ban kiểm soát

- Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

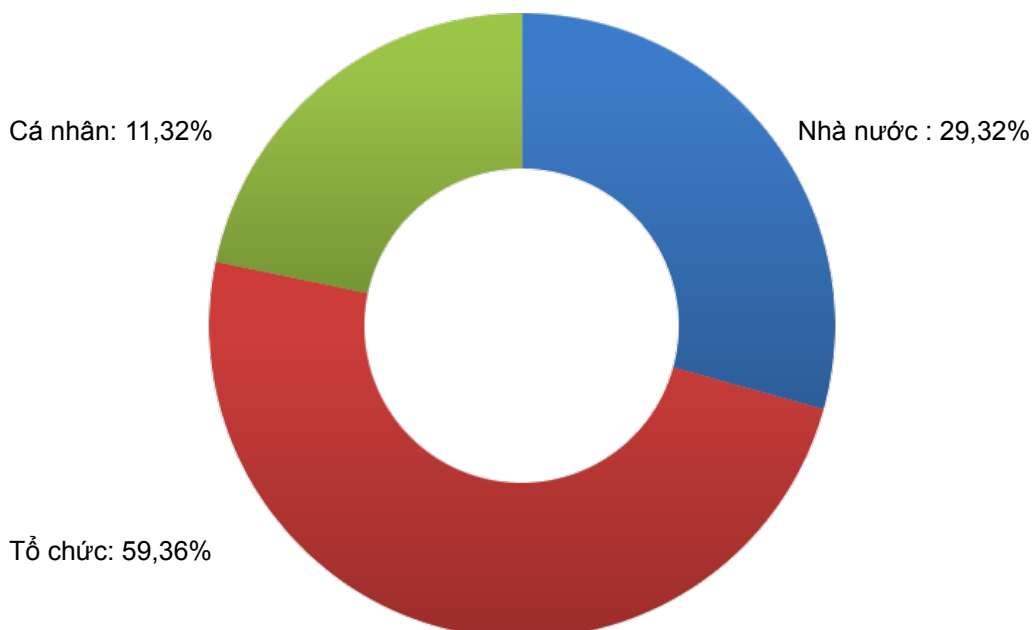
Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 08/04/2010 Công ty đã tiến hành chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2010 là 855.000.000 đồng. Trong đó, Hội đồng quản trị là 675.000.000 đồng; Ban Kiểm soát là 162.000.000 đồng, thư ký HĐQT là 18.000.000 đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2010, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 0 cổ phiếu.
- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.

Mã số cổ đông	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Địa chỉ
AGM.0001	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	1.708.850	29,32 %	15A, Trần Khánh Dư, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.
AGM.0003	Công ty CP bảo vệ thực vật An Giang	300.000	5,15 %	23 Hà Hoàng Hổ, Thành phố .Long Xuyên, An Giang.
AGM.0371	Công ty CP đầu tư & phát triển Nguyễn Kim	3.053.550	52,39 %	01-05, Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TPHCM.
CỘNG		5.062.400	86,86 %	

• Cơ cấu cổ đông tính đến 31/12/2010

Cổ đông	Số lượng cuối năm 2010	Tỷ lệ
Tổng số cổ phần	5.828.500	100 %
TRONG ĐÓ		
Nhà nước	1.708.916	29,32 %
Tổ chức	3.459.797	59,36 %
Cá nhân	659.787	11,32 %





VI. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



• HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NĂM 2010

- Chiến dịch giải cứu sông Mekong”:

Chiến dịch do Angimex và Tỉnh Đoàn An Giang phối hợp tổ chức với các hoạt động như: vận động chữ ký ủng hộ “Bảo vệ sông Mê Kông”, thu gom rác trên các bờ sông...nhằm tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, bảo vệ tương lai nền nông nghiệp Tỉnh nhà.



- Tài trợ giải bóng đá nông dân toàn quốc cúp VFA:

Góp phần đẩy mạnh phong trào rèn luyện sức khỏe cho người nông dân, tại Giải bóng đá Nông dân toàn quốc cúp VFA, Angimex đã dành ra 100 triệu đồng để tài trợ cho giải đấu.

- Tài trợ 30 triệu đồng cho CLB Bóng đá An Giang.

- Tài trợ cho hoạt động phát triển nông thôn từ nguồn quỹ “Angimex phát triển nông thôn”:

Quỹ “Angimex phát triển nông thôn” được thành lập vào cuối năm 2010 với mục đích đóng góp trực tiếp bằng tiền hoặc hiện vật cho các hoạt động an sinh xã hội theo bộ tiêu chí xây dựng và phát triển nông thôn mới của tỉnh An Giang. Với nguồn kinh phí ban đầu 03 tỷ đồng, được trích từ quỹ phúc lợi xã hội do các cổ đông Angimex đóng góp, đã dành 300 triệu đồng cho Quỹ Vì người nghèo của Tỉnh, hơn 2,5 tỷ sẽ tài trợ cho lĩnh vực giáo dục, cụ thể là tặng 356 máy tính tặng các trường trung học cơ sở ở vùng nông thôn còn nhiều khó khăn.



• Các hoạt động xã hội khác:

Thăm và tặng quà cho Trung tâm bảo trợ người già và trẻ mồ côi An Giang; tặng quà Tết cho các hộ gia đình khó khăn ở các địa phương trong Tỉnh; đóng góp Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, Quỹ Cây mùa xuân, Quỹ Khuyến học, ủng hộ Quỹ Tiếp sức tài năng tỉnh An Giang.v.v..



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Hội đồng Quản Trị Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. THÔNG TIN CHUNG

Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang được thành lập từ việc chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về các đơn vị trực thuộc, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chuẩn y tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000083 ngày 30 tháng 07 năm 2008, số 1600230737 ngày 24 tháng 04 năm 2009 và số 1600230737 ngày 30 tháng 12 năm 2009. Năm 2010, có thay đổi tên người đại diện Công ty đã được chứng nhận theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600230737 ngày 11 tháng 03 năm 2010.

2. CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản Trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

HỌ VÀ TÊN:	CHỨC VỤ:
Ông Cao Minh Lãm	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Anthony Nguyễn	Thành viên
Ông Lê Trường Sơn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Đăng	Thành viên
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thôn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

HỌ VÀ TÊN:	CHỨC VỤ:
Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thanh Bào	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 08/04/2010

HỌ VÀ TÊN:	CHỨC VỤ:
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hà Xuân Long	Thành viên
Ông Lê Văn Liêm	Thành viên

Từ ngày 08/04/2010 đến ngày 31/12/2010

HỌ VÀ TÊN:	CHỨC VỤ:
Ông Trang Hữu Nghĩa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Thế Chiến	Thành viên
Ông Lê Văn Liêm	Thành viên

3. TRỤ SỞ

Công ty có trụ sở chính tại Số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có các chi nhánh, cửa hàng và phân xưởng sau:

- Chi nhánh Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang Tại TP. Hồ Chí Minh tại số 137 Trần Bình Trọng, P.2, Q.5, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang tại Thoại Sơn, ấp Tây Sơn, TT. Núi Sập, H. Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Chi nhánh Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang tại Long Xuyên, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Xí nghiệp Sản xuất kinh doanh Gạo An Toàn tại ấp Thạnh An, phường Mỹ Thới. TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Xí nghiệp sản xuất Bao bì, Vận tải tại số 8 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Xí nghiệp Phát triển Vùng Nguyên Liệu tại ấp Sơn Hòa, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Kho Phân bón An Hòa tại xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng Bán xe Honda và Dịch vụ Long Xuyên (Head 1) tại số 02-04-06 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng bán xe Honda và Dịch vụ Châu Đốc (Head 2) tại đường Nguyễn Văn Thoại, phường Châu Phú, TX. Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng Honda – ANGIMEX (Head 3) tại số 15/6A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng bán xe Honda và Dịch vụ tại số 207 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng Thương mại – Dịch vụ ANGIMEX Thoại Sơn tại ấp Bắc Sơn, TT, Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Trung tâm Kinh doanh Tổng hợp ANGIMEX tại khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Trung tâm Kinh doanh Honda – ANGIMEX tại số 15/6A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Trung tâm Đào tạo ANGIMEX tại số 02 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng quốc doanh I tại ấp Tây Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Thoại Hà tại ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Bình Thành tại ấp Bình Thành, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Sơn Hòa tại ấp Sơn Hòa, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Chợ Mới tại ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, huyện Chợ mới, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Đồng Lợi tại ấp An Hòa, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Châu Phú tại ấp Bình Nghĩa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Bình Khánh tại khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Hòa An tại xã Hòa An, huyện Chợ mới, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Chợ Vàm tại ấp Hòa Bình, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Châu Đốc tại Hương Lộ 4, ấp Châu Long 2, phường Châu Phú B, TX. Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Hòa Lạc tại ấp Hòa Bình, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

4. HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xay xát thóc lúa, đánh bóng và xuất khẩu gạo, mua bán lương thực, thực phẩm, mua bán xe máy và phụ tùng, mua bán phân bón. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. CÁC KHOẢN BẤT THƯỜNG VÀ SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH BDO Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

8. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2011

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CAO MINH LÃM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang

**Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của **Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang** bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc **Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang** cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của **Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang** và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
GIÁM ĐỐC

Chứng chỉ KTV số 0173/KTV



NGUYỄN NGỌC BÍCH
KIỂM TOÁN VIÊN

Chứng chỉ KTV số 0600/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2010 VND	1/1/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.017.216.344.030	926.048.095.281
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	645.820.942.664	434.372.816.399
Tiền	111		2.610.589.877	48.458.366.599
Các khoản tương đương tiền	112		643.210.352.787	385.914.449.800
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	41.770.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		41.770.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130	(5.3)	94.743.668.820	207.929.352.348
Phải thu khách hàng	131		80.122.670.424	87.073.414.065
Trả trước cho người bán	132		5.702.822.717	6.476.355.025
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		9.368.345.679	114.954.735.758
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(450.170.000)	(575.152.500)
Hàng tồn kho	140	(5.4)	221.497.730.137	283.228.856.230
Hàng tồn kho	141		221.497.730.137	283.228.856.230
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	(5.5)	13.384.002.409	517.070.304
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		146.813.332	129.205.003
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.701.452.653	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		535.736.424	387.865.301

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2010 VND	1/1/2010 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		219.176.261.746	61.273.636.476
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
- Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
- Phải thu dài hạn khác	218		-	-
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		59.140.977.894	51.883.595.338
TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	44.839.750.762	37.717.498.001
- Nguyên giá	222		103.556.191.595	89.396.113.321
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.716.440.833)	(51.678.615.320)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	(5.7)	13.030.108.561	12.894.978.766
- Nguyên giá	228		13.945.424.785	13.675.424.785
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.316.224)	(780.446.019)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.271.118.571	1.271.118.571
Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	159.242.835.677	7.961.721.075
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		156.982.262.602	6.701.148.000
Đầu tư dài hạn khác	258		2.260.573.075	1.260.573.075
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260	(5.9)	792.448.175	1.428.320.063
Chi phí trả trước dài hạn	261		535.748.175	1.141.620.063
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		256.700.000	286.700.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.236.392.605.776	987.321.731.757

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2010 VND	1/1/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		872.194.410.095	664.146.281.038
Nợ ngắn hạn	310		863.401.825.737	657.215.396.429
Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	755.488.714.052	536.472.900.864
Phải trả cho người bán	312	(5.11)	11.119.576.133	2.805.707.463
Người mua trả tiền trước	313	(5.12)	19.524.291.292	9.135.192.304
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.13)	40.133.887.403	25.567.690.212
Phải trả người lao động	315		21.936.990.241	19.117.103.244
Chi phí phải trả	316	(5.14)	6.195.499.816	1.041.427.900
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.15)	3.564.032.790	59.844.274.215
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.16)	5.438.834.010	3.231.100.227
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		8.792.584.358	6.930.884.609
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	8.379.724.245	6.687.593.051
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		412.860.113	243.291.558
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		364.198.195.681	323.175.450.719
Vốn chủ sở hữu	410	(5.18)	364.198.195.681	323.175.450.719
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		58.285.000.000	58.285.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		10.634.295.073	11.450.051.094
Quỹ đầu tư phát triển	417		54.332.000.000	39.434.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.583.000.000	9.858.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		227.363.900.608	204.148.399.625
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.236.392.605.776	987.321.731.757

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	12/31/2010	1/1/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		8.993.676,63	10.181.319,97
- EUR		2.216.212,06	
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỖNH THANH TÙNG



NGUYỄN VĂN TIẾN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	1.979.251.943.637	2.037.085.322.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.2)	7.750.865.158	10.713.064.890
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.3)	1.971.501.078.479	2.026.372.257.479
Giá vốn hàng bán	11	(6.4)	1.823.314.328.045	1.956.605.674.669
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		148.186.750.434	69.766.582.810
Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.5)	114.990.909.787	137.880.630.992
Chi phí tài chính	22	(6.6)	51.625.113.627	37.196.804.704
- Trong đó: lãi vay	23		49.565.113.795	33.682.072.887
Chi phí bán hàng	24	(6.7)	78.886.189.296	73.484.482.705
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.8)	29.555.927.006	22.158.978.408
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		103.110.430.292	74.806.947.985
Thu nhập khác	31	(6.9)	843.519.787	15.235.559.948
Chi phí khác	32	(6.10)	47.891.129	256.952.086
Lợi nhuận khác	40		795.628.658	14.978.607.862
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		103.906.058.950	89.785.555.847
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.11)	25.372.257.967	15.297.245.219
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(6.12)	78.533.800.983	74.488.310.628
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		13.474	12.780

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH TÙNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TIẾN

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2010	NĂM 2009
		VND	VND
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	103.906.058.950	89.785.555.847
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.997.375.275	7.546.827.096
- Các khoản dự phòng	03	(124.982.500)	(8.105.507.822)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(59.063.685.084)	(43.443.287.198)
- Chi phí lãi vay	06	49.565.113.795	33.682.072.887
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	102.279.880.436	79.465.660.810
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	88.819.980.668	(80.219.334.489)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	61.731.126.093	(185.914.166.735)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(4.757.809.207)	(36.518.111.501)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	588.263.559	(1.270.825.066)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(49.565.113.795)	(33.682.072.887)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(33.304.912.642)	(53.172.885.075)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.782.168.281	376.548.958.390
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.522.151.443)	(385.669.225.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	164.051.431.951	(320.432.001.593)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(15.280.806.911)	(8.328.994.822)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.363.637	493.721.771
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	4.618.284.894.820	(1.917.053.129.643)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(4.660.054.894.820)	1.893.618.531.643
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(151.281.114.602)	(591.550.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	59.083.370.527	43.206.517.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(149.242.187.349)	15.845.096.461

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.120.467.995.458	2.193.365.560.551	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.893.753.649.048)	(1.819.731.021.746)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.142.500.001)	(11.657.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	197.571.846.409	361.977.538.805	
				-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	212.381.091.011	57.390.633.673	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	434.372.816.399	371.559.905.476	
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(932.964.746)	5.422.277.250	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	645.820.942.664	434.372.816.399	

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH THANH TÙNG



NGUYỄN VĂN TIẾN





VIII. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang được thành lập từ việc chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về các đơn vị trực thuộc, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000083 ngày 30 tháng 07 năm 2008, số 1600230737 ngày 24 tháng 04 năm 2009 và số 1600230737 ngày 30 tháng 12 năm 2009. Năm 2010, có thay đổi tên người đại diện Công ty đã được chứng nhận theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600230737 ngày 11 tháng 03 năm 2010.

Theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của Công ty là xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm (Doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường và quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động); Sản xuất các loại bột, tinh bột,...; Sản xuất, kinh doanh bao bì; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình phi nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp; Mua bán xe có động cơ; Mua bán mô tô, xe máy; Mua bán phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu, mỡ; Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ; mua bán nhiên liệu động cơ; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu; Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, sữa tươi, các loại rau củ hạt, tơ, len thô,...); Mua bán nông sản sơ chế; Mua bán lương thực; Mua bán thực phẩm; Mua bán trứng gia cầm (Doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật về thú y và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động); Mua bán các sản phẩm từ sữa; Mua bán đồ uống, rượu bia; Mua bán thuốc lá; Mua bán quần áo may sẵn, giày dép; Mua bán đồ giải trí gia đình và đồ điện gia dụng; Mua bán thiết bị thu hình; Mua bán các thiết bị thu thanh; Cung cấp dịch vụ mạng điện thoại di động (Doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật về Bưu chính viễn thông trong quá trình hoạt động); Mua bán gỗ các loại, đồ kim khí các loại, vật liệu xây dựng các loại; Mua bán máy nông ngư cơ và thiết bị phụ tùng của chúng.; Mua bán thiết bị, phụ tùng máy móc sử dụng trong lâm nghiệp và xây dựng; Mua bán thiết bị văn phòng, máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, vật tư ngành in và phụ tùng; Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại; Mua bán phân bón; Dịch vụ sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Vận tải hàng hoá đường bộ; Vận tải hàng hoá đường sông; Kinh doanh bất động sản (Doanh nghiệp phải đảm bảo trong suốt quá trình hoạt động, vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 06 tỷ đồng); Tư vấn về phần cứng; Tư vấn phần mềm; Thiết kế trang Web; Dịch vụ mạng thông tin; Dịch vụ quản lý máy tính; Bảo dưỡng và sửa chữa máy tính, máy văn phòng; Các hoạt động liên quan đến máy tính; Dạy ngoại ngữ, tin học (Doanh nghiệp tuân theo quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); Xây dựng nhà ở.

Công ty có trụ sở chính tại Số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Công ty có 03 chi nhánh, 03 trung tâm, 03 xí nghiệp, 5 cửa hàng, 12 phân xưởng, 1 kho chi tiết như sau:

- Chi nhánh Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang tại TP. Hồ Chí Minh tại Số 137 Trần Bình Trọng, P.2, Q.5, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang tại Thoại Sơn tại ấp Tây Sơn, TT. Núi Sập, H. Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công Ty CP Xuất nhập khẩu An Giang tại Long Xuyên tại khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Gạo An Toàn tại ấp Thạnh An, phường Mỹ Thới. TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Xí nghiệp Sản xuất Bao bì, Vận tải tại số 8 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Xí nghiệp Phát triển Vùng Nguyên Liệu tại ấp Sơn Hòa, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Kho Phân bón An Hòa tại xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng Bán xe Honda và Dịch vụ Long Xuyên (Head 1) tại số 02-04-06 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Cửa hàng bán xe Honda và Dịch vụ Châu Đốc (Head 2) tại đường Nguyễn Văn Thoại, phường Châu Phú, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng Honda – ANGIMEX (Head 3) tại số 15/6A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng bán xe Honda và Dịch vụ tại số 207 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Cửa hàng Thương mại – Dịch vụ ANGIMEX Thoại Sơn tại ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Trung tâm Kinh doanh Tổng hợp ANGIMEX tại khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Trung tâm Kinh doanh Honda – ANGIMEX tại số 15/6A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Trung tâm Đào tạo ANGIMEX tại số 02 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng quốc doanh I tại ấp Tây Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Thoại Hà tại ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Bình Thành tại ấp Bình Thành, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Sơn Hòa tại ấp Sơn Hòa, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Chợ mới tại ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Đồng Lợi tại ấp An Hòa, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Châu Phú tại ấp Bình Nghĩa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Bình Khánh tại khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Hòa An tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Chợ Vàm tại ấp Hòa Bình, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Châu Đốc tại Hương Lộ 4, ấp Châu Long 2, phường Châu Phú B, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Phân xưởng Hòa Lạc tại ấp Hòa Bình, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.285.000.000 đồng. Chi tiết vốn góp đến ngày 31/12/2010 như sau:

ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN (VND)	TỈ LỆ(%)
Vốn góp Ngân sách Nhà nước	17.088.500.000	29,32
Vốn góp từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài Công ty	37.977.500.000	65,16
Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty	3.219.000.000	5,52
CỘNG	58.285.000.000	100,00

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 290 người, trong đó số nhân viên quản lý là 29 người.

2. KỶ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Vào thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối năm và được trình bày trong khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán dựa theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền cuối tháng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	THỜI GIAN (NĂM)
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc thiết bị	05 – 08
- Phương tiện vận tải	08 – 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05
- Tài sản cố định khác	05
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	
- Quyền sử dụng đất	50
- Phần mềm máy vi tính	03
- Giấy phép nhượng quyền	05

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất và chấp thuận trong biên bản góp vốn.

Công ty ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn theo giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc, thì công ty tiến hành lập dự phòng giảm giá đầu tư này.

4.7 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Không có vốn hóa chi phí đi vay.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn tiền thuê mặt bằng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là giá trị của công cụ xuất dùng được phân bổ 50% vào chi phí, phần còn lại chờ đến khi hủy công cụ đó mới hạch toán vào chi phí.

4.9 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2010, nhưng chưa được thực chi trong năm 2010, bao gồm chi phí trích trước lãi vay dự trả và chi phí dự phòng phải trả. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch trong năm tài chính.

4.11 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo các tỷ lệ như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản và đưa vào chi phí là 16% và 6% trừ vào quỹ lương người lao động.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản và đưa vào chi phí là 3% và 1,5% trừ vào quỹ lương người lao động
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích 1% lương cơ bản và 1% trừ vào quỹ lương người lao động.
- Kinh phí công đoàn được trích trên tổng quỹ tiền lương là 2%

4.12 Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: phản ánh số vốn thực tế đã góp bằng tiền, bằng tài sản tại thời điểm góp vốn.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm này.

4.13 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận như sau:

- Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: thỏa mãn đầy đủ 4 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ và được khách hàng xác nhận;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, trả lãi tiền gửi tiết kiệm của cán bộ công nhân viên, chi phí ngân hàng, lỗ do bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá ... Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Quỹ lương

Trong năm 2010, Công ty đã trích quỹ lương đưa vào chi phí theo đơn giá tiền lương đã được Hội đồng quản trị thông qua ngày 9 tháng 03 năm 2010 và nghị quyết số 828/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 12 năm 2010.

4.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa bán ra của Công ty:

Lúa giống không chịu thuế GTGT.

Sản phẩm gạo được xuất khẩu thuế suất là 0%.

Sản phẩm gạo, cám, phân bón được bán nội địa, thuế suất thuế GTGT là 5%.

Xe máy, phụ tùng các loại, thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp

dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các báo cáo thuế của Công ty được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều khía cạnh khác nhau. Do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Tái phân loại

Một số tài khoản trong báo cáo tài chính của năm 2009 đã được tái phân loại cho phù hợp với sự trình bày trong năm 2010 theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	(i)	1.353.893.660	401.385.068
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.256.696.217	48.056.981.531
Các khoản tương đương tiền	(iii)	643.210.352.787	385.914.449.800
Cộng		645.820.942.664	434.372.816.399

(i) Chi tiết số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2010 bao gồm:

		Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	41,00 #		775.455
Đô la Mỹ (USD)	41,00 #		775.455
Đồng Việt Nam (VND)			1.353.118.205
Cộng			1.353.893.660

(ii) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2010 bao gồm:

		Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	18.635,63 #		352.862.337
Đô la Mỹ (USD)	18.635,63 #		352.862.337
Đồng Việt Nam (VND)			903.833.880
Cộng			1.256.696.217

(iii) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng. Chi tiết như sau:

		Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ			228.620.352.787
Đô la Mỹ (USD)	8.975.000,00 #		169.914.700.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Cần Thơ	1.600.000,00 #		30.291.200.000
- Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN An Giang	220.000,00 #		4.165.040.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam- CN An Giang	7.155.000,00 #		135.458.460.000
EURO	2.216.205,67 #		58.705.652.787
- Ngân hàng XNK Việt Nam - CN An Giang	2.216.205,67 #		58.705.652.787
Đồng Việt Nam (VND)			414.590.000.000
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN An Giang			197.400.000.000
- Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – CN An Giang			100.560.000.000
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN An Giang			7.550.000.000
- Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN An Giang			13.500.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – CN An Giang			19.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN An Giang			33.700.000.000
- Ngân hàng Sacombank – CN An Giang			13.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam- CN An Giang			29.680.000.000
Cộng			643.210.352.787

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	(i)	41.770.000.000	
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
Cộng		41.770.000.000	-

(i) Đây là số tiền Công ty gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - CN An Giang kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 11,2%/năm

5.3. Các khoản phải thu

		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Phải thu khách hàng	(i)	80.122.670.424	87.073.414.065
Trả trước cho người bán	(ii)	5.702.822.717	6.476.355.025
Các khoản phải thu khác	(iii)	9.368.345.679	114.954.735.758
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(iv)	(450.170.000)	(575.152.500)
Cộng		94.743.668.820	207.929.352.348

(i) Chi tiết phải thu khách hàng tại 31/12/2010 như sau:

	Nguyên tệ		VND
Lương thực			72.611.906.768
Ngoại tệ	3.778.630,11	#	71.537.031.070
Đô la Mỹ (USD)	3.778.630,11	#	71.537.031.070
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	3.527.169,41	#	66.776.371.270
- Balmain Trading Ltd	12.540,00	#	237.413.100
- C.P Intertrade Co.Ltd	113.232,00	#	2.143.708.232
- Song Agriculture Trading Company	27.225,00	#	515.423.700
- Walong Marketing Inc	98.463,70	#	1.864.114.768
Đồng Việt Nam (VND)			1.074.875.698
- Liên hiệp HTX Thương mại TP.HCM			359.627.998
- Công ty TNHH LD Sabmiller Việt Nam			559.998.200
- Công ty TNHH Khải Lộc Thiên Phúc			74.850.000
- Các khách hàng khác			80.399.500
Kinh doanh Honda			1.326.375.955
- Công ty Honda Vĩnh Phúc			235.967.078
- Khách hàng Cửa hàng Honda Angimex 3			544.303.000
- Khách hàng Cửa hàng Honda Long Xuyên			311.957.000
- Khách hàng lẻ xe trả góp			108.743.877
- Các khách hàng khác			125.405.000

	Nguyên tệ	VND
Kinh doanh Phân bón		5.632.932.701
- Nông dân mua phân trả chậm 2010		170.064.500
- Nông dân mua phân trả chậm vụ Đông Xuân 2011		2.911.120.001
- Nông dân mua phân trả chậm vụ 3 – 2010		248.625.000
- Cửa hàng Vật Tư Nông Nghiệp Đức Thành		380.150.000
- Cửa hàng Vật Tư Nông Nghiệp Hai Nôm		494.500.000
- Lê Thành Khoảnh		532.921.000
- Cửa hàng Vật Tư Nông Nghiệp Mai Ân Nghĩa		270.000.000
- Đại lý Vật Tư Nông Nghiệp Sơn Thành		106.600.000
- Cửa hàng Vật Tư Nông Nghiệp Phước Hưng		215.000.000
- Các khách hàng khác		303.952.200
Lĩnh vực khác		551.455.000
- Khách Hàng - PX Ba Thê		153.680.000
- Cửa hàng ĐTDĐ Chín Cường		102.850.000
- Cửa Hàng ĐTDĐ Ngọc Phương		238.275.000
- Cửa Hàng ĐTDĐ Hoàng Long		56.650.000
Cộng		80.122.670.424

(ii) **Chi tiết trả trước cho người bán tại 31/12/2010 như sau:**

	VND
Lương thực	5.598.797.379
- Công ty CP Tư vấn GD&VH – Truyền thông Hà Thành	11.000.000
- Công ty TNHH Cơ Khí Công Nông Nghiệp Bùi Văn Ngọ	2.715.561.750
- Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Việt Mỹ	309.187.000
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng KT	210.471.100
- Hợp tác xã vận tải Phú Thuận	148.474.350
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Atec	17.426.000
- DNTN Hùng Phát	25.000.000
- DNTN Xây dựng MK	456.000.000
- Công ty TNHH MTV Huy Mỹ	14.850.000
- Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế & ĐTXD Dấu Ấn	33.761.000
- Hợp tác Xã Vận Tải Thủy Khánh Hòa	37.000.000
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Dịch Vụ Vũ Nam Hải	1.437.302.351
- Công ty CP Tư Vấn – Đầu Tư Xây Dựng Thuận Thành Tiến	168.000.000
- Khách hàng khác	14.763.828
Kinh doanh Honda	104.025.338
- Công ty Honda Vĩnh Phúc	104.025.338
Cộng	5.702.822.717

(iii) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác tại 31/12/2010 như sau:

	VND
Ứng tiền chuyển quyền sử dụng đất	100.000.000
Ứng tiền hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng	3.797.292.000
Tiền lãi dự thu của các khoản tiền gửi tại các ngân hàng	5.471.053.679
Cộng	9.368.345.679

(iv) Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi tại 31/12/2010 như sau:

	Nợ khó đòi	Tỷ lệ trích lập	VND
Cửa hàng ĐTDĐ Chín Cường	102.850.000	100%	102.850.000
Cửa hàng ĐTDĐ Hoàng Long	56.650.000	100%	56.650.000
Cửa hàng ĐTDĐ Ngọc Phương	238.275.000	100%	238.275.000
Công ty TNHH Khải Lộc Thiên Phúc	74.850.000	70%	52.395.000
Cộng	472.625.000		450.170.000

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.828.621.431	29.761.393.489
Công cụ, dụng cụ	720.109.005	492.435.680
Thành phẩm	136.189.908.164	146.366.406.798
Hàng hoá	38.089.251.520	54.151.178.542
Hàng gửi bán	30.669.840.017	52.457.441.721
Cộng	221.497.730.137	283.228.856.230

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	(i)	146.813.332	129.205.003
Thuế GTGT được khấu trừ		12.701.452.653	-
Tài sản ngắn hạn khác	(ii)	535.736.424	387.865.301
Cộng		13.384.002.409	517.070.304

- (i) Đây là tiền thuê mặt bằng của cửa hàng Honda Châu Đốc
- (ii) Đây là số tiền tạm ứng của cán bộ công nhân viên Công ty.

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P. tiện VT, thiết bị TD	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	45.839.908.766	37.446.490.052	4.108.007.143	1.901.707.360	100.000.000	89.396.113.321
- Mua trong năm	1.273.240.989	9.653.995.176	2.721.430.564	1.362.140.182	-	15.010.806.911
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(87.442.591)	(645.942.486)	-	(17.343.560)	(100.000.000)	(850.728.637)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	47.025.707.164	46.454.542.742	6.829.437.707	3.246.503.982	-	103.556.191.595

GIÁ TRỊ HAO MÒN

Số dư đầu năm	27.222.794.261	21.268.013.317	1.684.230.232	1.403.577.510	100.000.000	51.678.615.320
- Khấu hao trong năm	2.752.453.196	4.252.152.904	596.459.022	261.439.948	-	7.862.505.070
- Tặng khác (*)	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(71.400.998)	(635.934.999)	-	(17.343.560)	(100.000.000)	(824.679.557)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	29.903.846.459	24.884.231.222	2.280.689.254	1.647.673.898	-	58.716.440.833

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	18.617.114.505	16.178.476.735	2.423.776.911	498.129.850	-	37.717.498.001
Tại ngày cuối năm	17.121.860.705	21.570.311.520	4.548.748.453	1.598.830.084	-	44.839.750.762

Nguyên giá của tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.093.581.763 đồng.

Tổng giá trị tài sản dùng để thế chấp với giá trị còn lại 838.371.264 đồng.

5.7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử Dụng đất VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2010	13.280.084.785	315.140.000	80.200.000	13.675.424.785
- Mua trong năm	270.000.000	-	-	270.000.000
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2010	13.550.084.785	315.140.000	80.200.000	13.945.424.785

GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại ngày 01/01/2010	411.839.347	309.887.667	58.719.005	780.446.019
- Khấu hao trong năm	108.136.877	5.252.333	21.480.995	134.870.205
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2010	519.976.224	315.140.000	80.200.000	915.316.224

GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2010	12.868.245.438	5.252.333	21.480.995	12.894.978.766
Tại ngày 31/12/2010	13.030.108.561	-	-	13.030.108.561

Tài sản khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 395.340.000 VND

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào công ty con		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(i)	156.982.262.602	6.701.148.000
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	2.260.573.075	1.260.573.075
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Cộng		159.242.835.677	7.961.721.075

(i) Chi tiết khoản góp vốn đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát như sau:

	Tỷ lệ nắm giữ (%)			Giá trị khoản đầu tư (VND)	
	31/12/2010	01/01/2010		31/12/2010	01/01/2010
Công ty ANGIMEX-KITOKU	32,96	32,96	(*)	2.951.148.000	2.951.148.000
Công ty TNHH TM Sài Gòn-An Giang	25,00	25,00	(**)	4.031.114.602	3.750.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội	25,00	-	(***)	150.000.000.000	-
				156.982.262.602	6.701.148.000

(*) Công ty đã góp 236.000 USD tương đương 2.951.148.000 VND (trong đó góp bằng tiền mặt 120.000 USD và quyền sử dụng đất tương ứng 116.000 USD) để thành lập Công ty ANGIMEX-KITOKU. Công ty này được đặt tại khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên và hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất lúa gạo đặc sản và các sản phẩm chế biến từ gạo để xuất khẩu.

(**) Công ty đã góp 3.750.000.000 VND để thành lập Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn - An Giang. Bên cạnh đó, Công ty được hưởng cổ tức từ lợi nhuận được chia 281.114.602 đồng. Số tiền này được giữ lại để tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH TM Sài Gòn-An Giang. Công ty này được đặt tại số 12 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên và hoạt động trong các lĩnh vực sau: mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào; đồ dùng cá nhân và gia đình; máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế; quảng cáo trưng bày giới thiệu hàng hóa; kinh doanh dịch vụ nhà hàng; kinh doanh các dịch vụ du lịch; kinh doanh khu vui chơi, giải trí; dịch vụ trông giữ xe; rửa xe...

(***) Công ty đã góp 150.000.000.000 VND để mua 4.500.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 101/06/09 được ký kết vào ngày 08 tháng 06 năm 2009 với tổng trị giá hợp đồng là 150 tỷ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305314709 do sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vĩnh Hội có vốn điều lệ 180 tỷ đồng. Trụ sở chính tại số 1-5 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TP HCM. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là kinh doanh bất động sản, nhà hàng ăn uống, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, lương thực thực phẩm, bia, rượu... Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

(ii) Đây là khoản Công ty đầu tư mua chứng khoán dài hạn khác tại các đơn vị. Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn này tại ngày 31/12/2010 như sau:

	Mệnh giá	Số lượng	VND
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	10.000	113.893	1.150.623.075
Công ty CP Docitrans	10.000	100.000	1.000.000.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Trường Thạnh	100.000	600,00	60.000.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Mỹ Hưng	150.000	133,00	19.950.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Thọ Mỹ Hưng	120.000	250,00	30.000.000
Cộng			2.260.573.075

5.9. Tài sản dài hạn khác

		31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí trả trước dài hạn	(i)	535.748.175	1.141.620.063
Tài sản dài hạn khác	(ii)	256.700.000	286.700.000
Cộng		792.448.175	1.428.320.063

(i) Chi tiết chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2010 như sau:

	VND
Công trình cải tạo mở rộng cửa hàng Angimex 3	310.120.673
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	225.627.502
Cộng	535.748.175

(ii) Tài sản dài hạn khác chủ yếu là ký cược, ký quỹ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Trung tâm điện thoại di động CDMA	5.700.000	25.700.000
- Công ty Honda Việt Nam - Vĩnh Phúc	250.000.000	250.000.000
- Các đối tượng khác	1.000.000	11.000.000
Cộng	256.700.000	286.700.000

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	755.488.714.052	536.472.900.864
- Vay tại các Ngân hàng	(i) 743.450.834.677	523.046.516.750
- Vay cá nhân bên ngoài	(ii) 12.037.879.375	13.426.384.114
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	755.488.714.052	536.472.900.864

(i) Bao gồm các khoản vay như sau:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		111.395.472.945
Đô la Mỹ (USD)	1.600.000,00	# 30.291.200.000
- Ngân hàng TMCP An Bình – CN Cần Thơ	(a) 1.600.000,00	# 30.291.200.000
EURO	3.058.779,25	# 81.104.272.945
- Ngân hàng ANZ	(b) 2.291.319,54	# 60.774.831.561
- Ngân hàng HSBC	(c) 767.459,71	# 20.329.441.384
Việt Nam đồng (VND)		632.055.361.732
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN An Giang	(d)	164.431.738.700
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – CN An Giang	(e)	133.996.108.500
- Ngân hàng XNK Việt Nam - CN An Giang	(f)	10.160.000.000
- Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC	(g)	37.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN An Giang	(h)	100.000.000.000
- Ngân hàng NN &PT Nông Thôn – CN An Giang	(i)	19.590.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN An Giang	(j)	152.037.514.532
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN An Giang	(k)	14.440.000.000
Cộng		743.450.834.677

(a) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP An Bình - CN Cần Thơ được ký kết ngày 22 tháng 6 năm 2010.

- Hạn mức tín dụng: 6.000.000 USD
- Lãi suất: theo lãi suất từng lần giải ngân
- Thời hạn vay: từ ngày 22/6/2010 đến 22/6/2011
- Mục đích vay: Bổ sung vốn thu mua gạo dự trữ xuất khẩu
- Hình thức đảm bảo tiền vay:

Thế chấp hàng tồn kho tại 15 chi nhánh của công ty CP XNK An Giang tại tỉnh An Giang theo hợp đồng thế chấp tài sản 0040/10/TC/III

(b) Đây là khoản vay tại Ngân hàng ANZ

- Hạn mức tín dụng: theo các tiện ích tín dụng tuần hoàn ngắn hạn không cam kết quy định cho từng thời kỳ
- Lãi suất: Theo lãi suất Ngân hàng ANZ thông báo theo từng thời điểm giải ngân
- Thời hạn vay: 12 tháng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn thu mua nguyên vật liệu cung ứng cho các hợp đồng xuất khẩu
- Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp

(c) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích tín dụng được ký kết vào ngày 16 tháng 04 năm 2010

- Hạn mức hỗn hợp
- Từ tháng 2 đến tháng 9 hằng năm là 140.000.000.000 đồng hoặc tương đương bằng USD
- Từ tháng 10 đến tháng 1 hằng năm là 100.000.000.000 đồng hoặc tương đương bằng USD
- Ngân hàng đã giải ngân bằng Đồng Euro (EUR)
- Lãi suất: theo lãi suất cho vay cơ bản VND hoặc USD của từng thời hạn tương ứng cộng với 1,75%/năm.
- Thời hạn vay: 12 tháng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gạo xuất khẩu
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Công ty đồng ý thế chấp hàng hóa trong kho và các khoản phải thu từ tất cả các bên có liên quan với tổng giá trị ít nhất 140 tỷ đồng.

(d) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – CN An Giang theo hợp đồng số 58/2010/HĐTD-CNAG-KHDN ngày 24 tháng 09 năm 2010

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000VNĐ
- Lãi suất: được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Công Thương – CN An Giang từng thời kỳ
- Thời hạn vay: từ ngày ký kết đến 30/09/2011
- Mục đích vay: Chi phí mua gạo dự trữ xuất khẩu
- Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp

(e) Đây là khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển An Giang – CN An Giang theo hợp đồng số 01/2010/HĐ ngày 20 tháng 04 năm 2010

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000VNĐ
- Lãi suất: được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN An Giang từng thời kỳ
- Thời hạn vay: từ ngày ký kết đến 31/03/2011
- Mục đích vay: Bổ sung vốn thu mua chế biến xuất khẩu gạo
- Hình thức đảm bảo tiền vay:

Thế chấp tài sản là hàng tồn kho lúa, gạo với giá trị tối thiểu là 60 tỷ đồng. Trường hợp giá trị tài sản nêu trên tại thời điểm định giá lại thấp hơn 60 tỷ đồng thì công ty phải bổ sung thêm phần tài sản thế chấp là công nợ của công ty.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi của bên vay tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.

Nguồn thanh toán Công ty thụ hưởng từ hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác.

(f) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN An Giang theo hợp đồng số 1502-LAV-201000575 được ký kết ngày 07 tháng 06 năm 2010.

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Lãi suất: theo lãi suất EIB công bố tại thời điểm giải ngân
- Thời hạn vay: 12 tháng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thu mua gạo

- Hình thức đảm bảo tiền vay: Công ty cam kết dùng hàng hóa lưu kho và nguồn thu từ xuất khẩu để đảm bảo khả năng trả nợ cho Eximbank

(g) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích tín dụng được ký kể ngày 16 tháng 04 năm 2010

- Hạn mức hỗn hợp: 140.000.000.000 đồng
- Từ tháng 2 đến tháng 9 hằng năm: 140.000.000.000 VNĐ
- Từ tháng 10 đến tháng 1 hằng năm: 100.000.000.000 VNĐ
- Lãi suất: theo lãi suất cho vay cơ bản của VND hoặc USD của thời hạn tương ứng cộng với 1,75%/năm
- Thời hạn vay: tối đa 12 tháng theo từng tiện ích tín dụng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Công ty đồng ý thế chấp hàng hóa trong kho và các khoản phải thu từ tất cả các bên có liên quan với tổng giá trị ít nhất 140 tỷ đồng và hợp đồng bảo hiểm/ giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa trong kho cùng với thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm được chúng tôi chấp nhận với giá ít nhất 70 tỷ đồng.

(h) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN An Giang theo hợp đồng số 032/2010/AG/HĐTD-Lienvietbank ngày 7/6/2010

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
- Lãi suất: theo lãi suất ngân hàng Liên Việt công bố tại thời điểm giải ngân
- Thời hạn vay: 12 tháng(từ 7/6/2010 đến 7/6/2011)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
- Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp

(i) Đây là khoản vay tại Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam - CN An Giang theo HĐ số 87/2010/HĐTD ngày 26/7/2010

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng
- Lãi suất: theo lãi suất ngân hàng NN& PTNT công bố tại thời điểm giải ngân
- Thời hạn vay: 12 tháng(từ 26/7/2010 đến 26/7/2011)
- Mục đích vay: Dự trữ lương thực xuất khẩu và kinh doanh lương thực
- Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp

(j) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN An Giang theo HĐ số 22/2010/VCB/AG ngày 22/1/2010

- Hạn mức tín dụng: 350.000.000.000 đồng
- Lãi suất: theo lãi suất VCB công bố tại thời điểm giải ngân
- Thời hạn vay: không quá 6 tháng của từng lần nhận nợ
- Mục đích vay: Kinh doanh lương thực
- Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp

(k) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN An Giang theo HĐ số 0061/HĐTG2-VIB621/10 ngày 27/12/2010

- Hạn mức tín dụng: 14.400.000.000 đồng
- Lãi suất: theo lãi suất VIB công bố tại thời điểm giải ngân
- Thời hạn vay: không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận nợ đầu tiên
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thu mua gạo chế biến xuất khẩu
- Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp
- + Thế chấp khoản tiền gửi 15.200.000.000 VND cầm cố tại VIB

(ii) Đây là số tiền công ty vay tín chấp cán bộ công nhân viên với lãi suất 12%/năm từ tháng 01 năm 2010 đến hết tháng 04 năm 2010 và lãi suất 12,72%/năm từ tháng 05 năm 2010 đến 30 tháng 11 năm 2010. Từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 lãi suất 15,96%.

5.11. Phải trả người bán

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lương thực	5.914.910.592	278.590.356
Kinh doanh Honda	2.988.385.541	806.391.090
Khách hàng khác	2.216.280.000	1.720.726.017
Cộng	(i) 11.119.576.133	2.805.707.463

(i) Chi tiết phải trả người bán tại 31/12/2010 như sau:

	31/12/2010
	VND
Lương thực	5.914.910.592
- Công ty CP Cơ Khí Chế Tạo Máy Long An	40.180.000
- Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	600.848.410
- Công ty CP Dịch Vụ Hàng Hải	57.988.686
- Công ty TNHH SX TM Thảo Minh Châu	128.836.290
- Công ty CP XLCK & LTTP Long An	42.755.000
- Công ty TNHH Cân Điện Tử Thuận Cường	970.200.000
- Công ty TNHH Cơ Khí - Xây Dựng Đoàn Kết	441.675.500
- Công ty Xây lắp An Giang	335.808.000
- DNTN TMDV Tin học T&D	20.250.000
- Cơ Sở Vạn Xuân	58.200.000
- Trung Tâm Công Nghệ Thông Tin	2.132.479.954
- Công ty TNHH Cơ khí Kiên Giang	974.682.500
- Cửa hàng VLXD Đức Hùng	27.626.000
- Các khách hàng khác	83.380.252
Kinh doanh Honda	2.988.385.541
- Chi nhánh Công ty Honda TP.HCM	2.988.385.541
Khách hàng khác	2.216.280.000
- Tiền thuê đất kho 1 - Long Xuyên	2.195.880.000
- Văn phòng UBND Tỉnh An Giang	20.400.000
Cộng	11.119.576.133

5.12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh doanh lương thực	19.524.291.292	9.135.192.304
Cộng	(i) 19.524.291.292	9.135.192.304

(i) Chi tiết người mua trả tiền trước tại 31/12/2010 như sau:

	Nguyên tệ	VND
Kinh doanh lương thực		19.524.291.292
Ngoại tệ (USD)	201.373,80 #	3.812.408.791
- Cedicom – Libreville	2.500,00 #	47.330.000
- Chewy International Foods	108.404,50 #	2.052.314.004
- Gan Hup Lee (1999) Pte.Ltd	59.447,89 #	1.125.467.453
- Nidera (Suisse) S.A	7.883,43 #	149.249.097
- Par Investments Pte Ltd	7.670,00 #	145.208.440
- PowerLife International Ltd	878,54 #	16.632.519
- PSC Corporation LTD	11.314,44 #	214.204.978
- Seng kang Trading Enterprise	3.275,00 #	62.002.300
Đồng Việt Nam (VND)		15.711.882.501
- Công ty TNHH XK Mễ Cốc Toàn Cầu		703.125.000
- Công ty TNHH Ánh Tuyết - Long An		1.711.525.001
- DNTN Tấn Phát		399.000.000
- DNTN Kim Cương - Cần Thơ		1.825.000.000
- CN Công ty CP NTACO		790.000.000
- Công ty TNHH Thanh Khôi - Hậu Giang		3.933.982.500
- DNTN Thái Thị Thu Hạnh		1.762.950.000
- Công ty TNHH Chế biến lương thực Phúc Hải		1.430.000.000
- Công ty TNHH MTV Quang Phát		2.213.500.000
- Công ty CP Thương Mại Gia Lai		688.000.000
- Các khách hàng khác		69.200.000
- Khách hàng Nhà máy gạo an toàn		185.600.000
Cộng		19.524.291.292

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	29.451.298.846	12.092.469.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.506.270.544	13.438.925.219
Thuế thu nhập cá nhân	4.176.318.013	36.295.751
Cộng	40.133.887.403	25.567.690.212

5.14. Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí dự phòng phải trả	4.535.685.717	-
Phí ủy thác xuất khẩu tạm tính	-	19.747.300
Lãi tiền vay phải trả	1.659.814.099	872.339.637
Các khoản chi phí phải trả khác	-	149.340.963
Cộng	6.195.499.816	1.041.427.900

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	927.869.875	574.905.064
Bảo hiểm xã hội	204.310.184	160.898.500
Bảo hiểm y tế	-	17.569.434
Phải trả về cổ phần hoá	-	56.464.959.062
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	2.431.852.731	2.625.942.155
Cộng	3.564.032.790	59.844.274.215

(*) Chủ yếu là giá trị chờ bàn giao của sổ tài chính với số tiền là 2.417.578.793 đồng.

5.16. Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để dùng cho công tác khen thưởng, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Quỹ khen thưởng	1.135.733.473	(98.233.643)
Quỹ phúc lợi	4.303.100.537	3.329.333.870
Cộng	5.438.834.010	3.231.100.227

5.17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	8.379.724.245	6.687.593.051
- Vay ngân hàng (i)	8.379.724.245	6.687.593.051
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	8.379.724.245	6.687.593.051

(i) Chi tiết vay các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng như sau:

	VND
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN An Giang (a)	5.853.690.851
- Ngân hàng TMCP Miền Tây – PGD Long Xuyên (b)	2.526.033.394
Cộng	8.379.724.245

(a) Đây là khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam - CN An Giang theo hợp đồng số 01/2009/HĐ được ký kết ngày 14/12/2009.

- Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng
- Lãi suất: được điều chỉnh theo từng thời kỳ
- Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 14/12/2009 đến 12/12/2014)
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng mở rộng kho chứa lúa và trang bị dây chuyền sấy lúa kho Sơn Hòa
- Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp giá trị tài sản tạm tính với số tiền 18.757.679.991 đồng. Bao gồm:
 - + Hạn mục đã được xây dựng tại kho 1- phân xưởng Long Xuyên- XN chế biến Lương thực I. Giá trị tạm tính là 3.028.173.918 đồng
 - + Hệ thống trộn gạo premix tại kho Long Xuyên- Xí nghiệp I và hệ thống thiết bị. Giá trị tạm tính là 1.099.506.073 đồng
 - + Tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án đầu tư mở rộng và trang bị dây chuyền sấy lúa tại PX Sơn Hòa. Giá trị tạm tính 14.633.000.000 đồng

(b) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Miền Tây - PGD LX theo hợp đồng số 1412/2009/HDD TD-DN ký kết ngày 21/12/2009.

- Số tiền vay: 4.330.000.000 đồng

- Lãi suất: được điều chỉnh theo từng thời kỳ

- Thời hạn vay: từ ngày 21/12/2009 đến ngày 21/12/2014

- Mục đích vay: Đầu tư nâng cấp kho và mua máy móc thiết bị

- Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp kho 3, tọa lạc tại khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 488399, do UBND tỉnh An Giang, cấp ngày 06/04/2007.

5.18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Chênh lệch tỷ giá hối đoái - VND	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng VND
	VND			VND		VND		VND		
Số dư đầu năm trước	58.285.000.000	-	-	-	-	-	-	196.526.863.755	254.811.863.755	254.811.863.755
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	74.488.310.628	74.488.310.628	74.488.310.628
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	11.450.051.094	-	-	-	-	-	-	11.450.051.094	11.450.051.094
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	7.766.400.034	7.766.400.034	7.766.400.034
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(11.657.000.000)	(11.657.000.000)	(11.657.000.000)
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	39.434.000.000	9.858.000.000	-	-	(57.292.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Trích lập quỹ HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.684.174.792)	(5.684.174.792)	(5.684.174.792)
Cuối năm trước	58.285.000.000	11.450.051.094	-	39.434.000.000	9.858.000.000	-	-	204.148.399.625	323.175.450.719	323.175.450.719
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	78.533.800.983	78.533.800.983	78.533.800.983
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	10.634.295.073	-	-	-	-	-	-	10.634.295.073	10.634.295.073
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	(17.485.500.000)	(17.485.500.000)	(17.485.500.000)
Tạm chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	(11.657.000.000)	(11.657.000.000)	(11.657.000.000)
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	14.898.000.000	3.725.000.000	-	-	(21.523.000.000)	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
Giảm khác	-	(^(*) 11.450.051.094)	-	-	-	-	-	(4.652.800.000)	(16.102.851.094)	(16.102.851.094)
Cuối năm nay	58.285.000.000	10.634.295.073	-	54.332.000.000	13.583.000.000	-	-	227.363.900.608	364.198.195.681	364.198.195.681

(*) Hoàn nhập giá trị đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm tài chính 31/12/2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp Ngân sách Nhà nước	17.088.500.000	17.088.500.000
Vốn góp từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài Công ty	37.977.500.000	36.205.500.000
Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty	3.219.000.000	4.991.000.000
Cộng	58.285.000.000	58.285.000.000

Không có giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong kỳ.

Không có cổ phiếu quỹ.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.285.000.000	58.285.000.000
Vốn góp đầu năm	58.285.000.000	58.285.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	58.285.000.000	58.285.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.485.500.000	11.657.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2010	11.657.000.000	-

Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.828.500	5.828.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.828.500	5.828.500
Cổ phiếu phổ thông	5.828.500	5.828.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

5.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	78.533.800.983	74.488.310.628
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	78.533.800.983	74.488.310.628
Cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm	5.828.500	5.828.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.474	12.780

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	1.976.375.508.866	2.034.839.137.823
Doanh thu bán gạo	1.540.302.413.441	1.564.478.583.697
Doanh thu bán tấm, cám	168.101.862.164	237.375.113.576
Doanh thu bán lúa	5.334.840.237	-
Doanh thu bán bao bì	38.631.908	80.195.913
Doanh thu bán xe Honda	219.191.549.695	191.024.955.431
Doanh thu bán nhớt, phụ tùng xe Honda	28.902.519.255	22.345.020.951
Doanh thu bán phân bón	14.493.847.526	19.233.329.035
Doanh thu bán điện thoại	-	256.879.220
Doanh thu trực in	-	45.060.000
Doanh thu khoai môn	9.844.640	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.876.434.771	2.246.184.546
Cộng	1.979.251.943.637	2.037.085.322.369

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Hàng bán bị trả lại	-	-
Giảm giá hàng bán	7.750.865.158	10.713.064.890
Cộng	7.750.865.158	10.713.064.890

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần về bán sản phẩm, hàng hóa	1.968.624.643.708	2.024.126.072.933
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.876.434.771	2.246.184.546
Cộng	1.971.501.078.479	2.026.372.257.479

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn gạo	1.440.160.962.333	1.524.809.328.345
Giá vốn tấm, cám	121.252.551.187	209.433.013.979
Giá vốn lúa	4.841.803.798	-
Giá vốn bao bì	4.952.256.280	4.883.828.152
Giá vốn xe Honda	201.677.484.593	169.214.807.868
Giá vốn nhớt, phụ tùng xe Honda	25.304.321.077	19.106.285.296
Giá vốn phân bón, bã đậu nành...	11.161.653.395	20.737.099.795
Giá vốn điện thoại	-	416.500.717
Giá vốn trực in	-	53.837.551

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn khoai môn	7.545.451	-
- Các khoản khác đưa vào giá vốn	14.294.734.271	7.950.972.966
- Lương trích bổ sung	13.608.947.097	14.284.755.781
- Bảo hiểm thất nghiệp, tiền ăn ca	346.802.834	1.440.139.462
- Chi phí vật tư, sửa chữa TSCĐ	-	269.245.048
- Khấu hao	-	535.155.497
- Giá trị hoàn nhập dự phòng		(8.578.322.822)
Cộng	1.823.314.328.045	1.956.605.674.669

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.149.316.365	37.036.416.455
Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu	-	3.748.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.467.027.081	2.421.901.057
Lãi bán ngoại tệ	22.901.260.059	72.130.384.254
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.354.665.676	21.519.532.619
Chiết khấu Thanh toán được hưởng	(30.881)	212.994
Lãi bán hàng trả chậm	118.671.487	101.483.097
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	922.500.516
Cộng	114.990.909.787	137.880.630.992

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	49.565.113.795	33.682.072.887
Phí ngân hàng	-	28.288.681
Lỗ do bán ngoại tệ	133.110.000	1.425.739.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.346.265.332	2.060.704.136
Chi phí hoạt động tài chính khác	580.624.500	-
Cộng	51.625.113.627	37.196.804.704

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên	14.204.990.705	13.102.769.285
Chi phí vật liệu, bao bì	11.184.657.442	9.921.760.129
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	286.153.941	195.130.345
Chi phí khấu hao TSCĐ	310.055.027	292.152.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.207.194.661	49.059.315.862
Chi phí bằng tiền khác	7.693.137.520	913.354.364
Cộng	78.886.189.296	73.484.482.705

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên	19.056.740.217	14.224.625.091
Chi phí vật liệu	267.270.247	367.393.366
Chi phí đồ dùng văn phòng	580.839.104	297.717.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	950.459.294	713.774.314
Thuế, phí và lệ phí	997.652.573	1.216.703.725
Chi phí dự phòng	(124.982.500)	473.895.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.346.337.674	1.920.473.987
Chi phí bằng tiền khác	6.481.610.397	2.944.395.561
Cộng	29.555.927.006	22.158.978.408

6.9 Thu nhập khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	6.363.637	493.721.771
Thu phạt vi phạm hợp đồng	56.587.886	
Thu bổ sót nhầm lẫn năm trước		253.657
Thu nhập khác	780.568.264	14.741.584.520
Cộng	843.519.787	15.235.559.948

6.10 Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá trị còn lại của tài cố định	26.049.080	242.767.054
Chi phí khác	21.842.049	14.185.032
Cộng	47.891.129	256.952.086

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.906.058.950	89.785.555.847
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	50.000.000	49.175.031
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	50.000.000	49.175.031
+ Các khoản điều chỉnh giảm	2.467.027.081	2.421.901.057
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.467.027.081	2.421.901.057
Tổng thu nhập chịu thuế	101.489.031.869	87.412.829.821
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	25.372.257.967	21.853.207.455
Thuế TNDN được giảm	-	6.555.962.237
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	25.372.257.967	15.297.245.219

6.12 Phân phối lợi nhuận

	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đến 01/01/2010	204.148.399.625
Lợi nhuận trước thuế năm 2010	103.906.058.950
Thuế TNDN được miễn giảm	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.372.257.967
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận sau thuế đến ngày 31/12/2010	78.533.800.983
Lợi nhuận dùng để phân phối quỹ	282.682.200.608
Các khoản điều chỉnh giảm	55.318.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	14.898.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	3.725.000.000
Quỹ khen thưởng	1.450.000.000
Quỹ phúc lợi	1.450.000.000
Chi trả cổ tức năm 2009	17.485.500.000
Tạm chi trả cổ tức năm 2010	11.657.000.000
Chi thù lao HĐQT&BKS	612.000.000
Chi thưởng HĐQT&BKS	4.040.800.000
Lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2010	227.363.900.608

7. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2010, Công ty có giao dịch với Công ty liên doanh, liên kết. Các nghiệp vụ phát sinh như sau:

Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Bán sản phẩm	25.869.802.379	15.332.429.413
Mua sản phẩm	1.800.405.908	966.513.132
Nhận chia cổ tức	281.114.602	

Công ty Công ty ANGIMEX-KITOKU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Bán sản phẩm (Angimex ủy thác XK cho Kitoku)	389.604.985	11.494.493.360
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Bán sản phẩm (Angimex cho Kitoku thuê kho)		
Mua sản phẩm	1.105.807.900	-
Nhận chia cổ tức	601.190.400	700.861.440

Tại ngày 31/12/2010, Công ty liên doanh, liên kết còn nợ Công Ty như sau:

Nợ phải thu	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	359.627.998	470.485.128
Công ty Công ty ANGIMEX-KITOKU	-	-
Cộng nợ phải thu	359.627.998	470.485.128

8. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY

CHỈ TIÊU		NĂM 2010	NĂM 2009
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/ Tổng số Tài sản	%	17,73	6,21
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng số Tài sản	%	82,27	93,79
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70,54	67,27
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	29,46	32,73
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,42	1,49
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,18	1,41
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,80	0,66
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	4,98	4,12
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3,76	3,42
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng Tài sản	%	8,40	9,09
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	%	6,35	7,54
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu			
	%	21,56	23,05

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỖNH THANH TÙNG**TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN VĂN TIẾN



CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Địa chỉ: Số 1 Ngô Gia Tự, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại : 84-76-3841548 - Fax : 84-76-3843239
Website: www.angimex.com.vn

